

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6678/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, tình hình kinh tế - xã hội**  
**tháng 9 và 9 tháng năm 2021**

*(Tài liệu phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2021)*

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2021, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2021 như sau:

**I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP, TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2021**

Tiếp nối kết quả đã đạt được của năm 2020, những tháng đầu năm 2021, kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định. Tuy nhiên, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng 4 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm như: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong 9 tháng năm 2021, cùng với việc tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống và kiểm soát dịch Covid-19, các bộ, ngành và địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị Quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021, các nghị quyết chuyên đề của Chính phủ, chủ động, kịp thời ứng phó, phòng chống, kiểm soát và hạn chế các tác động tiêu cực của dịch bệnh đến nền kinh tế, ổn định tâm lý xã hội, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu về y tế, kinh tế, xã hội và đối ngoại.

Về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành đến hết quý III cơ bản đáp ứng đúng tiến độ, trong đó đã hoàn thành 79% nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết

01/NQ-CP (trong 77 nhiệm vụ được giao hoàn thành đến hết quý III năm 2021: có 61 nhiệm vụ hoàn thành, 10 nhiệm vụ đang thực hiện, chưa hoàn thành<sup>1</sup>, 6 nhiệm vụ xin gia hạn báo cáo<sup>2</sup>); trong đó tập trung vào các nhóm nhiệm vụ về công tác xây dựng, thi hành hệ thống pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng thuận lợi tạo điều kiện phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế; cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động và sử dụng các nguồn lực, xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, phát triển đô thị và nông thôn; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo, thông tin, truyền thông tạo niềm tin, đồng thuận xã hội.

Một số bộ, ngành, địa phương đã chủ động thực hiện sớm các nhiệm vụ của các quý sau (như: Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Bộ Lao động thương binh xã hội, Bộ Giáo dục đào tạo, Bộ Nội vụ), đồng thời chủ động đề xuất, báo cáo Chính phủ kịp thời điều chỉnh một số nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn triển khai.

Các nhiệm vụ Quý IV/2021 các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần tập trung hoàn thành, gồm 111 nhiệm vụ, tập trung vào các nội dung: huy động và sử dụng các nguồn lực, xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, phát triển đô thị và nông thôn, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu

<sup>1</sup> Gồm các bộ, cơ quan trung ương: 02 nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ, 01 nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 nhiệm vụ của Bộ Công thương, 02 nhiệm vụ của Bộ Tài chính, 02 nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 01 nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 01 nhiệm vụ của Bộ Giáo dục đào tạo.

<sup>2</sup> 06 nhiệm vụ của: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ...

*(Chi tiết tình hình thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết 01/CT-TTg của Chính phủ tại Phụ lục số 2 kèm theo)*

Nhìn chung, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam 9 tháng năm 2021 vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương và đạt được một số kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Các cơ quan ở Trung ương và địa phương đã thực hiện tốt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, triển khai hiệu quả Quỹ Vắc-xin phòng chống Covid-19 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, hỗ trợ mua và tự nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, tiêm phòng miễn phí cho người dân nhằm quyết tâm đạt mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2021 cao nhất có thể.

Kinh tế vĩ mô ổn định, nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng dương 1,42% tuy không phải là mức tăng trưởng cao nhưng an sinh xã hội được bảo đảm. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016<sup>3</sup>. Thị trường tiền tệ, tín dụng tương đối ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm. Hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn được duy trì trong bối cảnh chịu tác động mạnh từ dịch bệnh, an ninh lương thực được bảo đảm. Dịch vụ công nghệ, dịch vụ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử có bước phát triển tích cực. Hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh được đẩy mạnh. Hợp tác quốc tế trong tiếp cận vắc-xin và thúc đẩy chuyển giao công nghệ vắc-xin Covid-19 được tăng cường.

Bước sang quý IV, kinh tế - xã hội Việt nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Giải ngân vốn đầu tư nước ngoài (FDI) 9 tháng đầu năm đạt 13,28 tỷ USD, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2020. Số doanh nghiệp thành lập mới giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2020 và là số doanh nghiệp gia nhập thị trường thấp nhất trong giai đoạn 9 tháng đầu năm kể từ năm 2017. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục gia tăng, 9 tháng tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020. Mặc dù tiêm chủng vắc-xin Covid-19 được nhiều nước trên thế giới triển khai mạnh mẽ nhưng khả năng phục hồi của kinh tế thế giới vẫn mong manh, việc gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu còn hiện hữu, ảnh hưởng tới các ngành thương mại, du

<sup>3</sup> Tốc độ tăng CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,07%; tăng 3,79%; tăng 3,57%; tăng 2,5%; tăng 3,85%; tăng 1,82%.

lịch, vận tải, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng sẽ ảnh hưởng đến an sinh xã hội.

## **II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2021**

### **1. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2021**

#### **(1) Tăng trưởng kinh tế**

Dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của năm 2021. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất trong lịch sử tăng trưởng kinh tế của Việt Nam kể từ khi số liệu GDP được công bố. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%. Tính chung 9 tháng năm 2021, GDP chỉ tăng 1,42%, là mức tăng thấp nhất kể từ trước đến nay.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%. Cụ thể như sau:

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* đóng vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế trong đại dịch, năng suất lúa tăng cao, chăn nuôi tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản 9 tháng năm 2021 đạt khá so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngành nông nghiệp tăng 3,32%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,3%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 0,66%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

- Trong *khu vực công nghiệp và xây dựng*, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,05%, đóng góp 1,53 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 7,17%, làm giảm 0,27 điểm phần trăm do sản lượng dầu thô khai thác giảm 6% và khí đốt tự nhiên giảm 17,6%. Ngành xây dựng giảm 0,58%, làm giảm 0,04 điểm phần trăm.

- *Khu vực dịch vụ* bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn tăng trưởng âm trong 9 tháng năm 2021 đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Ngành bán buôn, bán lẻ giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,3 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá

trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 7,79%, làm giảm 0,47 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 23,18%, làm giảm 0,57 điểm phần trăm. Ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 21,15%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,37%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,24%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,79%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,03%; khu vực dịch vụ chiếm 40,19%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,99%.

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2020; tích lũy tài sản tăng 4,27%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,21%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,46%.

## **(2) Về tình hình kinh tế vĩ mô**

*Nhìn chung, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm. Thu ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực, chi ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ; ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân trong khi vẫn thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thuế, phí, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công còn chậm so với yêu cầu, nhất là vốn nước ngoài.*

Cụ thể như sau:

### *a) Về chỉ số giá tiêu dùng*

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2021 giảm 0,62% so với tháng trước, tăng 1,88% so với tháng 12/2020 và tăng 2,06% so với cùng kỳ năm 2020; có 5 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm và 6 nhóm có chỉ số giá tăng.

*Nhóm giáo dục có mức giảm nhiều nhất với 2,89% (làm CPI chung giảm 0,18 điểm phần trăm) do một số địa phương thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2021-2022<sup>4</sup> trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm cho chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục giảm 3,35%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 1,99% chủ yếu do giá tiền thuê nhà giảm để hỗ trợ người dân trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Bên cạnh đó, giá điện giảm tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg và thời tiết sang thu nên nhu cầu tiêu dùng điện, nước giảm. Nhóm giao thông giảm 0,16%, mặc dù giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng vào ngày 10/9/2021 và ngày*

<sup>4</sup> Tốc độ giảm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tháng Chín so với tháng trước của một số địa phương: An Giang giảm 56,03%; Quảng Ninh giảm 17,49%; Đồng Nai giảm 7,29%; Hà Nội giảm 3,62%; Đà Nẵng giảm 2,82%.

25/9/2021 nhưng do ảnh hưởng của đợt điều giảm vào ngày 26/8/2021 nên chỉ số giá xăng tháng 9/2021 giảm 0,38%, giá dầu diezen giảm 0,39%. Giá ô tô đã qua sử dụng giảm 0,74% do các đại lý kinh doanh gặp khó khăn về tài chính nên giảm giá nhiều loại xe. *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* giảm 0,16% do nguồn cung dồi dào. *Nhóm bưu chính viễn thông* giảm 0,06%, tập trung giảm ở giá điện thoại di động và máy tính bảng.

Trong 06 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, *Nhóm đồ uống và thuốc lá* có mức tăng cao nhất với 0,17%; *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,09% do nhu cầu sử dụng các thiết bị tủ lạnh; máy vi tính và phụ kiện; máy in, máy chiếu, máy quét tăng cao trong giai đoạn giãn cách xã hội; *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,03% do dịch Covid-19 diễn biến nhanh và phức tạp, các địa phương đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc-xin phòng chống dịch nên nhu cầu mua các loại thuốc, dụng cụ y tế tăng làm giá thuốc các loại tăng.

Tính chung quý III/2021, CPI tăng 0,93% so với quý trước và tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó giao thông tăng 13,68% so với cùng kỳ năm trước; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,46%; giáo dục tăng 2,31%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,9%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,99%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,86%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,62%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,17%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,3%. Có 2 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,91%; bưu chính viễn thông giảm 0,86%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, CPI bình quân tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016<sup>5</sup>. Lạm phát cơ bản tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 0,88% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

CPI 9 tháng năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do giá xăng dầu trong nước, giá gas, giá dịch vụ giáo dục, giá gạo, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng.

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI 9 tháng năm 2021: (i) giá các mặt hàng thực phẩm giảm; (ii) Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020), quý IV năm 2020

<sup>5</sup> Tốc độ tăng CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,07%; tăng 3,79%; tăng 3,57%; tăng 2,5%; tăng 3,85%; tăng 1,82%.

(được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, 9/2021 nên giá điện sinh hoạt bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2020 (làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm); (iii) Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá vé máy bay giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,69%; (iv) Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định giá cả thị trường.

*b) Về thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán*

Trong bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế. Điều hành tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Thị trường tiền tệ, tín dụng tương đối ổn định. Tỷ giá liên ngân hàng diễn biến linh hoạt; thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

- Đến ngày 23/9/2021, huy động vốn tăng 4,61% (huy động VNĐ tăng 5,29%, ngoại tệ giảm 1,96%), tín dụng đối với nền kinh tế tăng 7,39% (tín dụng VNĐ tăng 7,01%, tín dụng bằng ngoại tệ tăng 14,06%).

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, để tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng hỗ trợ nền kinh tế, ngân hàng Nhà nước đã linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với một số tổ chức tín dụng trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động, năng lực tài chính, quản trị điều hành và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh của từng tổ chức tín dụng và diễn biến thị trường, ưu tiên đối với tổ chức tín dụng thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất cho vay nhằm chia sẻ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân.

Đến cuối tháng 7/2021, tín dụng các ngành kinh tế tiếp tục tăng trưởng ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2020. Tín dụng đối với nhóm ngành thương mại, dịch vụ có mức tăng trưởng tăng 7,56% so với cuối năm 2020, cao hơn mức tăng trưởng chung của nền kinh tế và cao hơn nhiều mức tăng của cùng kỳ 2020 (3,57%); 4/5 lĩnh vực ưu tiên có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng tín dụng chung của nền kinh tế, trong đó tín dụng đối với lĩnh vực doanh nghiệp ứng

dụng công nghệ cao tăng mạnh (19,03%); tín dụng các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nằm trong tầm kiểm soát<sup>6</sup>.

- Về lãi suất, các mức lãi suất điều hành được giữ ổn định<sup>7</sup>. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục xu hướng giảm so với cuối năm trước. Lãi suất tiền gửi bằng VNĐ bình quân của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,4-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1-6,9% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 7,8-9,6%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VNĐ đối với một số ngành lĩnh vực ở mức 4,4%/năm. Lãi suất huy động USD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và dân cư. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm.

*Lãi suất liên ngân hàng* nhìn chung vẫn duy trì ổn định ở mức thấp và có xu hướng giảm. Ngày 09/9/2021, lãi suất liên ngân hàng bình quân kỳ hạn O/N: 0,63%/năm; 1 tuần: 0,73%/năm; 2 tuần: 0,89%/năm; 1 tháng: 1,1%/năm.

- Điều hành tỷ giá linh hoạt, công bố tỷ giá trung tâm biến động hàng ngày, phù hợp diễn biến thị trường trong và ngoài nước, cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ. Từ ngày 11/8 đến nay, ngân hàng Nhà nước thực hiện phương thức mua ngoại tệ giao ngay và hạ tỷ giá mua ngoại tệ xuống mức 22.750 VND/USD để phù hợp với điều kiện thị trường, đồng thời hỗ trợ thanh khoản VND trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp.

Ngày 9/9/2021, tỷ giá trung tâm ở mức 23.122 VND/USD, giảm 0,04% so với cuối năm 2020; tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng ở mức 22.763 VND/USD, giảm 1,42% so với cuối năm 2020; tỷ giá niêm yết mua-bán của NHTMCP Ngoại thương ở mức 22.670/22.870 VND/USD, giảm 1,58%/1,49% so với cuối năm 2020.

<sup>6</sup> Tính đến tháng 7/2021: Tín dụng đối với lĩnh vực BĐS là 1.977.912 tỷ đồng, tăng 9,88% so với tháng 12/2020, chiếm tỷ trọng 20,11% dư nợ nền kinh tế (cùng kỳ năm 2020 tăng 5,47%; cuối năm 2020 tăng 12,06%); tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư, KD chứng khoán là 696.170 tỷ đồng, tăng 9,81% so với cuối năm 2020, chiếm tỷ trọng 35,2% dư nợ tín dụng lĩnh vực BĐS và chiếm tỷ trọng 7,08% tổng dư nợ đối với nền kinh tế; tín dụng phục vụ nhu cầu đời sống (tín dụng tiêu dùng) là 1.968.750 tỷ đồng, tăng 6,37% so với cuối năm 2020, chiếm 20,02% tổng dư nợ nền kinh tế.

<sup>7</sup> (i) Lãi suất tái cấp vốn là 4%/năm; Lãi suất tái chiết khấu là 2,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong TTĐTLNH là 5,0%/năm. (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi VNĐ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2%/năm; lãi suất tối đa đối với tiền gửi VNĐ có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng là 4,0%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VNĐ của TCTD đối với khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh thuộc các lĩnh vực ưu tiên là 4,5%.



- Về giá vàng, giá vàng quốc tế có nhiều biến động nhưng thị trường vàng trong nước vẫn diễn biến ổn định, không ảnh hưởng đến tỷ giá và tình hình thị trường ngoại tệ chính thức, không gây xáo trộn tâm lý, nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp và người dân. Giá vàng miếng SJC bình quân được giao dịch ở mức 56,15/56,87 triệu đồng/lượng, tăng nhẹ so với đầu tháng. Hiện giá mua vào vàng miếng SJC trong nước cao hơn giá vàng quốc tế quy đổi (chưa tính phí) ở mức 7,8 triệu đồng/lượng.

- Về tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do dịch Covid-19:

+ Chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN:

Ngày 7/9/2021, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 nhằm tiếp tục hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trước diễn biến mới, ngày càng phức tạp của dịch. Theo đó, một số điểm chính được sửa đổi so với quy định tại Thông tư 01: (i) Sửa phạm vi khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí bao gồm khoản nợ phát sinh trước ngày 1/8/2021 (thay vì chỉ bao gồm các khoản nợ phát sinh đến ngày 10/6/2020); (ii) Sửa đổi phạm vi cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí đối với nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi phát sinh trong khoảng thời gian từ 23/1/2020 đến ngày 30/6/2022 (thay vì từ 23/1/2020 đến ngày 31/12/2021); (iii) Sửa đổi giới hạn thời gian làm việc TCTD, chi nhánh NHNNg thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí đến ngày 30/6/2022 (thay vì đến ngày 31/12/2021).

Đến 31/8/2021, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ cho 215.320 khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ 227.009 tỷ đồng; lũy kế giá trị nợ được cơ cấu từ 23/1/2020 khoảng 520.000 tỷ đồng.

+ Chính sách giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhằm triển khai Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ: Từ đầu năm 2021, ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quyết liệt các tổ chức tín dụng chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý, tiết giảm chi phí hoạt động để tập trung nguồn lực giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới, góp phần hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Đến 31/8/2021, các tổ chức tín dụng đã miễn, giảm, hạ lãi suất cho gần 1,14 triệu khách hàng với dư nợ trên 1,6 triệu tỷ đồng; Lũy kế số tiền lãi miễn, giảm, hạ lãi suất cho khách

hàng từ 23/1/2020 đến 31/8/2021 là gần 26.000 tỷ đồng; cho vay mới lãi suất thấp hơn trước dịch với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đến 31/8/2021 đạt trên 4,46 triệu tỷ đồng cho 628.662 khách hàng.

Thực hiện chỉ đạo của ngân hàng nhà nước, 16 ngân hàng thương mại có thị phần tín dụng lớn đã và đang triển khai gói giảm lãi suất cho vay lên đến 1%/năm các khoản dư nợ hiện hữu với tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng ước tính trên 20.372 tỷ VNĐ. Riêng 04 ngân hàng thương mại Nhà nước tiếp tục cam kết dành thêm 4.000 tỷ đồng để giảm lãi suất cho vay và thực hiện miễn toàn bộ phí dịch vụ ngân hàng trên địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện cách ly toàn xã hội theo Chỉ thị 16.

+ *Chính sách miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán:* (i) Ngày 23/8, NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN, theo đó, giảm 50% mức phí giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH của NHNN từ ngày 01/9/2021 đến hết ngày 30/6/2022; (ii) NAPAS tiếp tục triển khai chương trình giảm phí lần thứ hai trong năm 2021 với mức giảm từ 50% đến 75% phí dịch vụ chuyển mạch và bù trừ so với mức phí hiện hành từ 1/8/2021 đến cuối năm 2021 với tổng số tiền dự kiến giảm cả năm 2021 khoảng 1.108 tỷ đồng; (iii) NHNN đã chỉ đạo TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài triển khai chính sách giảm phí dịch vụ thanh toán đối với khách hàng tương ứng hoặc lớn hơn số phí NAPAS đã giảm; miễn phí chuyển tiền giải ngân cho vay người sử dụng lao động trả lương ngừng việc, lương phục hồi sản xuất...

- *Chương trình cho vay trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21/7/2021 nhằm thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ:*

+ Ngày 21/7/2021, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21/7/2021 quy định tái cấp vốn đối với Ngân hàng chính sách xã hội, trong đó quy định Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm đối với Ngân hàng chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc cho người lao động, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh với tổng số tiền tái cấp vốn tối đa 7.500 tỷ đồng, lãi suất 0%/năm, thời hạn NHNN giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng chính sách xã hội đến hết ngày 31/03/2022.

+ Ngày 17/8/2021, Ngân hàng chính sách xã hội đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc với sự tham gia chủ trì của Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nhằm đánh giá kết quả sau gần 01 tháng thực hiện và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa chính sách nhanh

chóng đi vào cuộc sống. Sau Hội nghị, trên cơ sở kiến nghị của một số Hiệp hội và các địa phương, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản gửi Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tham gia ý kiến đối với nội dung sửa đổi chính sách cho vay trả lương ngừng việc, phục hồi sản xuất. Hiện, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đang tổng hợp đề trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Ngày 14/9/2021, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1473/QĐ-NHNN trong đó nêu rõ hoàn phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các giao dịch thực hiện giải ngân cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đến ngày 10/9/2021, Ngân hàng Nhà nước đã giải ngân tái cấp vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền 367,5 tỷ đồng. Ngân hàng chính sách xã hội đã giải ngân trên 63 tỉnh, thành phố với số tiền 280,5 tỷ đồng đối với 523 đơn vị sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất cho 80.729 lượt người lao động.

*Về kết quả xử lý nợ xấu:* Đến cuối tháng 7/2021, tổng nợ xấu nội bảng toàn hệ thống là 208,82 nghìn tỷ đồng, tăng 13,13% so với cuối năm 2020, chiếm 1,83% tổng dư nợ. Tỷ lệ nợ xấu, nợ tại VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu cuối tháng 7/2021 là 3,73%, nếu tính cả các khoản nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu theo Thông tư 01, Thông tư 03 thì tỷ lệ này là 7,27%.

*- Về thị trường chứng khoán*

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương ảnh hưởng đến hoạt động của thị trường trong tháng 9. Đến hết ngày 28/9/2021, chỉ số VN-Index đạt 1.339,31 điểm, tăng 0,6% so với cuối tháng trước (tăng 21,3% so với cuối năm 2020).

Hiện có 737 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán, 901 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và 3,62 triệu tài khoản đầu tư chứng khoán; quy mô vốn hóa đạt 6.902 nghìn tỷ đồng, tăng 30,4% so với cuối năm 2020; giá trị giao dịch bình quân tháng 9 là 27,6 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 4% so với tháng trước; bình quân 9 tháng là 24,1 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 225% so với bình quân năm 2020.

Thị trường trái phiếu có 435 mã trái phiếu niêm yết; quy mô giao dịch bình quân tháng 9 là 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 33,2% so với tháng trước; bình quân 9 tháng đạt 11 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 6,3% so với bình quân năm 2020.

Thị trường chứng khoán phái sinh: Khối lượng giao dịch bình quân tháng 9 là 256,3 nghìn hợp đồng/phiên, giảm 37% so với tháng trước; bình quân 9 tháng đạt 206 nghìn hợp đồng/phiên, tăng 31% so với bình quân năm trước.

Tổng khối lượng giao dịch sản phẩm hợp đồng tương lai trên trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (được chính thức đưa vào giao dịch ngày 28/6/2021) đến nay là 922 hợp đồng.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng và tổ chức kiểm toán được chấp thuận, nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường. Trong 9 tháng đầu năm, đã ban hành 265 quyết định xử phạt, với tổng số tiền xử phạt 11,12 tỷ đồng.

*c) Về thu, chi ngân sách nhà nước*

*Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước* 9 tháng đầu năm 2021 ước đạt 1.077,4 nghìn tỷ đồng, bằng 80,2% dự toán, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó: thu nội địa đạt 77% dự toán, tăng 5,9%; thu từ dầu thô đạt 125,4%, tăng 5,2%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 98,2% dự toán, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 9 tháng đầu năm, đã thực hiện miễn, giảm, giãn 93,1 nghìn tỷ đồng tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, gồm: (i) 78,5 nghìn tỷ đồng gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ<sup>8</sup>; (ii) 14,6 nghìn tỷ đồng miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

*Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước* 9 tháng ước đạt 1.030,5 nghìn tỷ đồng, bằng 61,1% dự toán; trong đó: chi trả nợ lãi đạt 72,1% dự toán, chi thường xuyên đạt 70% dự toán, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi phát sinh theo tiến độ thực hiện của đơn vị sử dụng ngân sách; ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 9 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách. Cả NSTW và NSDP đã ưu tiên bố trí chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Ước tính đến hết tháng 9, NSNN đã chi 29,1 nghìn tỷ đồng cho phòng chống dịch (19,7 nghìn tỷ đồng) và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch

<sup>8</sup> Trong đó: số thuế được gia hạn đã nộp NSNN là 36,2 nghìn tỷ đồng, số thuế gia hạn còn phải nộp NSNN là 42,3 nghìn tỷ đồng.

Covid-19 (9,4 nghìn tỷ đồng). Trong đó, trung ương đã chi 16,35 nghìn tỷ đồng, bao gồm: (i) 10,83 nghìn tỷ đồng từ dự phòng NSTW năm 2021 để mua vắc-xin và chi cho công tác phòng, chống dịch (bổ sung cho Bộ Y tế 6,9 nghìn tỷ đồng, Bộ Quốc phòng 1,71 nghìn tỷ đồng; Bộ Công an 539,7 tỷ đồng, hỗ trợ các địa phương 1,68 nghìn tỷ đồng); (ii) 5,1 nghìn tỷ đồng từ nguồn tiết kiệm chi NSTW năm 2020 bổ sung cho Bộ Y tế mua vắc-xin; (iii) 413 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2019 hỗ trợ cho các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ. Các địa phương đã chi từ NSDP là 12,74 nghìn tỷ đồng cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19<sup>9</sup>.

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xuất Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 là 5,2 nghìn tỷ đồng để mua vắc-xin. Bên cạnh đó, thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đã xuất cấp vật tư, trang thiết bị dự trữ quốc gia cho công tác phòng, chống dịch, xuất cấp 80 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia<sup>10</sup> để khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ cho nhân dân trong dịp Tết, giáp hạt đầu năm và một số địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Đồng thời, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung 2.199 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2021 mua bù gạo dự trữ quốc gia đã xuất cấp để viện trợ, cứu trợ và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19<sup>11</sup>.

- Về cân đối ngân sách: Tổng thể cân đối của NSNN trong 9 tháng đầu năm có thặng dư (ngân sách trung ương bội chi, ngân sách địa phương thặng dư lớn); căn cứ cân đối thu, chi, trả nợ gốc của NSTW và tình hình tồn quỹ NSNN, lũy kế đến ngày 27/9/2021 đã phát hành 233,1 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ để trả nợ gốc đến hạn, với kỳ hạn bình quân 13,19 năm, lãi suất bình quân 2,26%/năm.

#### *d) Về đầu tư phát triển*

- *Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội* theo giá hiện hành đạt 1.868,5 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 459,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,6% tổng vốn và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.100,5 nghìn tỷ đồng, bằng 58,9%

<sup>9</sup> Trong đó, các địa phương đã chi 8,17 nghìn tỷ đồng hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và các chính sách của địa phương ban hành.

<sup>10</sup> Trong đó, thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp 130 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia cho 24 địa phương để hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19, trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính đã xuất cấp 63,86 nghìn tấn gạo; đồng thời, phối hợp với các địa phương xác định nhu cầu cụ thể để xuất cấp cho người dân đảm bảo không quá số lượng Thủ tướng Chính phủ quyết định.

<sup>11</sup> Nghị quyết số 296/NQ-UBTVQH15 ngày 07/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

và tăng 3,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 308,1 nghìn tỷ đồng, bằng 16,5% và giảm 3,4%.

- Dự kiến *giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước* đến 30/9/2021 là 218.550,92 tỷ đồng, đạt 47,38% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2020 đạt 56,33%), trong đó vốn trong nước đạt 51,71% (cùng kỳ năm 2020 là 60,88%), vốn nước ngoài đạt 12,69% (cùng kỳ năm 2020 đạt 21,65%). Đến nay có 04 bộ và 11 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 60%; 46/50 bộ, cơ quan trung ương và 52/63 địa phương giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn NSTW đã được giao từ đầu năm 2021.

Nhìn chung, tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công 9 tháng còn chậm so với yêu cầu. Việc giải ngân vốn đầu tư chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan đã tồn tại cố hữu từ lâu như: công tác giải phóng mặt bằng, đấu thầu, thay đổi chính sách và quy định, năng lực chủ đầu tư, nhà thầu, việc tránh thanh toán vốn nhiều lần, chờ thanh một lần của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, tính chất đặc thù của chi đầu tư, niên độ ngân sách nhà nước là 1 năm, giao kế hoạch vốn đầu năm, quyết toán cuối năm, nên kế hoạch thực hiện, thi công xây dựng các công trình, dự án cũng phụ thuộc vào kế hoạch vốn,...

Bên cạnh những nguyên nhân cố hữu nêu trên, trong những tháng đầu năm xuất hiện thêm một số nguyên nhân khác làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, năm 2021 là năm chuyển tiếp giữa hai nhiệm kỳ và kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự gắn với đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp; năm đầu tiên của một chu kỳ kế hoạch mới, với ưu tiên đầu tư công tập trung chủ yếu vào công tác chuẩn bị cho giai đoạn 5 năm tới. Đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 tập trung triển khai công tác chuẩn bị đầu tư những tháng đầu năm và chỉ triển khai thực hiện sau khi được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Năm 2021 là năm rất đặc biệt bởi chưa bao giờ nền kinh tế nước ta phải dồn tâm sức và nguồn lực cho công tác phòng, chống đại dịch như vậy và cũng chưa bao giờ nhiều tỉnh, thành, địa phương phải thực hiện các biện pháp giãn cách, hạn chế tiếp xúc như năm nay. Điều này dẫn đến lưu thông hàng hóa trong đó có nguyên nhiên vật liệu khó khăn, giá cả nguyên nhiên vật liệu tăng, nguồn lao động bị hạn chế do nhiều công nhân nghỉ việc, phát sinh thêm các chi phí phòng chống dịch.

Về tình hình phân bổ, giao kế hoạch, đến hết ngày 15/9/2021, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã phân bổ, giao chi tiết cho các dự án là 404.976,159 tỷ đồng, đạt 87,8% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao từ đầu năm; số vốn còn lại chưa giao chi tiết là 56.323,841 tỷ đồng, bằng 12,2% kế

hoạch. Thực hiện các Quyết định số 1535/QĐ-TTg và số 59/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đang khẩn trương phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021 cho các nhiệm vụ, dự án khởi công mới trong năm 2021.

Đối với vốn ngân sách trung ương, hiện nay còn 34 bộ, cơ quan trung ương và 37 địa phương chưa phân bổ hết kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao<sup>12</sup>; vốn NSĐP còn 14 địa phương<sup>13</sup> chưa phân bổ hết kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao, nguyên nhân là do nguồn thu giảm, một số dự án dự kiến bố trí từ nguồn thu xổ số kiến thiết nhưng chưa đủ thủ tục đầu tư và cũng không thể điều chỉnh nguồn thu này cho dự án khác<sup>14</sup>.

- *Vốn đầu tư nước ngoài*: Đại dịch covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tiếp tục có tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khu vực phía Nam. Vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài trong 9 tháng đầu năm giảm; vốn đầu tư đăng ký mới và vốn đầu tư điều chỉnh tiếp tục duy trì tăng và đạt mức tăng mạnh hơn so với 8 tháng đầu năm<sup>15</sup>.

Tính đến ngày 20/9/2021, tổng vốn đầu tư đăng ký có yếu tố nước ngoài (bao gồm FDI) ước đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2020, gồm: 1.212 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký gần 12,5 tỷ USD, giảm 37,8% về số dự án và tăng 20,6% về số vốn đăng ký; 678 dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt trên 6,4 tỷ USD, tăng 25,6% và 2.830 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị vốn góp đạt gần 3,2 tỷ USD, giảm 45,3% số lượt góp vốn, mua cổ phần và giảm 43,8% về giá trị vốn góp. Việc suy giảm số dự án cấp mới và điều chỉnh chủ yếu tập trung vào nhóm dự án quy mô nhỏ (dưới 5 triệu USD), trong khi số lượng các dự án quy mô lớn (trên 50 triệu USD) vẫn duy trì tăng mạnh trong 9 tháng năm 2021<sup>16</sup>.

<sup>12</sup> Trong đó một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ vốn chưa phân bổ khá cao như Bộ Thông tin và Truyền thông (94,77%); Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (82,16%); Bộ Khoa học và Công nghệ (77,11%); Bộ Công Thương (74,06%); Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (74,47%), Bộ Y tế (74,3%); Phú Thọ (84,3%).

<sup>13</sup> Gồm: An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Gia Lai, thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Điện Biên, Hòa Bình, Hưng Yên, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang.

<sup>14</sup> Theo quy định tại Nghị quyết số 129/2020/QH14 và Nghị quyết số 86/2019/QH14, nguồn thu xổ số kiến thiết chỉ cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế công lập, Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, bổ sung thêm đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

<sup>15</sup> 8 tháng đầu năm 2021, vốn đăng ký mới tăng 16,3% và vốn điều chỉnh tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2020.

<sup>16</sup> Trong 8 tháng năm 2021 số lượng dự án quy mô nhỏ (dưới 5 triệu USD) giảm 41,7%, trong khi số lượng các dự án quy mô lớn (trên 50 triệu USD) vẫn tăng 57% so với cùng kỳ 2020.

Dịch covid diễn biến phức tạp những tháng gần đây dẫn tới một số nhà máy bị ngưng hoặc giảm công suất, ước tính các dự án đầu tư nước ngoài đã giải ngân được 13,28 tỷ USD trong 9 tháng năm 2021, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 5,5 điểm phần trăm so với 8 tháng năm 2021.

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 11,8 tỷ USD, chiếm 53,4% tổng vốn đầu tư đăng ký. Ngành sản xuất, phân phối điện mặc dù thu hút được số lượng dự án mới, điều chỉnh cũng như góp vốn mua cổ phần không nhiều song với quy mô dự án lớn nên đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư trên 5,5 tỷ USD, chiếm gần 25%. Tiếp theo lần lượt là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản, bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đăng ký đạt 1,78 tỷ USD và trên 750 triệu USD. Còn lại là các lĩnh vực khác.

Đã có 94 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong 9 tháng đầu năm. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 6,3 tỷ USD, chiếm 28,4% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 7,2% so với cùng kỳ 2020; Hàn Quốc vượt qua Nhật Bản<sup>17</sup>, đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư trên 3,9 tỷ USD, chiếm 17,7% tổng vốn đầu tư, tăng 23,4% so với cùng kỳ<sup>18</sup>. Nhật Bản đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 3,3 tỷ USD, chiếm 14,7% tổng vốn đầu tư, tăng 88,8% so với cùng kỳ<sup>19</sup>. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan,...

Các nguyên nhân làm giảm số lượng dự án cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần:

- *Khách quan*: (i) FDI toàn cầu giảm; (ii) sự cạnh tranh trong thu hút ĐTNN giữa các quốc gia ngày càng gia tăng; (iii) Hoạt động M&A toàn cầu giảm sút.

- *Chủ quan*: Chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc của Việt Nam (giảm số lượng, tăng về chất lượng) làm loại bỏ các dự án quy mô nhỏ, ít giá trị gia tăng. Việc hạn chế nhập cảnh và chính sách cách ly dài ngày làm chững lại các đoàn chuyên gia và nhóm phát triển dự án vào Việt Nam khảo sát và làm các thủ tục đầu tư. Ngoài ra, việc phong tỏa nhà máy và hạn chế di chuyển của người lao động trong các KCN làm đình trệ sản xuất, giảm công suất và sản lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng cũng góp phần làm ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Do đóng cửa nhà máy, thiếu hụt lao động để sản xuất nên nhiều đơn hàng phải chuyển sang các địa bàn khác trong

<sup>17</sup> Hàn Quốc đứng thứ 3 (sau Singapore, Nhật Bản) trong 8 tháng năm 2021.

<sup>18</sup> Vốn đầu tư của Hàn Quốc trong 9 tháng (trong khi giảm trong 8 tháng) là do trong tháng 9 có dự án điều chỉnh vốn lớn 1,4 tỷ USD.

<sup>19</sup> Vốn đầu tư của Nhật Bản tăng mạnh so với cùng kỳ do có dự án điều chỉnh vốn lớn 1,31 tỷ USD.



chuỗi cung ứng. Tuy đây chỉ là giải pháp tạm thời, nhưng nếu kéo dài tình trạng này thì có khả năng nhà đầu tư sẽ chuyển sản xuất sang nước khác.

Về đầu tư ra nước ngoài, trong 9 tháng đầu năm cả nước có 41 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài với tổng giá trị trên 150,1 triệu USD (bằng 55,9% so với cùng kỳ), 15 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng giá trị tăng thêm trên 422,1 triệu USD<sup>20</sup> (gấp gần 2,6 lần so với cùng kỳ<sup>21</sup>). Tính chung lại, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt gần 572,3 triệu USD<sup>22</sup>, tăng 32,4% so với cùng kỳ. Trong đó chủ yếu là các dự án thuộc lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ, chiếm tỷ trọng 47,3% tổng vốn đầu tư, lĩnh vực bán buôn, bán lẻ chiếm 25,9%, tiếp theo là các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ,...

### **(3) Về tình hình sản xuất, kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực**

*Nhìn chung, hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn được duy trì trong bối cảnh chịu tác động mạnh từ dịch bệnh. Sản xuất nông nghiệp cơ bản ổn định; an ninh lương thực, thực phẩm được bảo đảm đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ người dân, nhất là tại các khu vực cách ly, địa bàn thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Tuy nhiên, khu vực công nghiệp- xây dựng quý III giảm sâu nhất từ trước đến nay; trong đó sản xuất công nghiệp tại các địa phương khu vực phía Nam giảm mạnh, tốc độ phục hồi của các trung tâm sản xuất công nghiệp phía Bắc còn chậm. Hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và ăn uống tiếp tục là các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.*

Cụ thể như sau:

#### *a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*

Sang quý III, dù nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách theo Chỉ thị 15, 16 nhưng nhờ người dân và doanh nghiệp nỗ lực khắc phục khó khăn, có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp nên sản xuất nông lâm thủy sản cơ bản đáp ứng kế hoạch sản xuất. Tính chung 9 tháng, sản xuất các lĩnh vực vẫn tăng khá, cụ thể:

<sup>20</sup> Vốn đầu tư điều chỉnh trong 9 tháng năm 2021 giảm so với 8 tháng do có dự án công ty cổ phần Tập đoàn Điện lạnh điện máy Việt Úc với mục tiêu nhập khẩu và phân phối các sản phẩm điện gia dụng và đồ dùng gia đình tại Myanmar điều chỉnh giảm vốn đầu tư 3,99 triệu USD.

<sup>21</sup> Vốn đầu tư điều chỉnh tăng mạnh do có dự án của Vingroup tại Hoa Kỳ điều chỉnh tăng 300 triệu USD; dự án Công ty TNHH Đầu tư và phát triển cao su Đông Dương tại Campuchia tăng 76 triệu USD và 01 dự án của Vinfast tại Đức tăng 32 triệu USD.

<sup>22</sup> Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài 9 tháng năm 2021 giảm so với 8 tháng do trong tháng 9, vốn đầu tư điều chỉnh giảm lớn hơn so với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm trong tháng.

- *Về trồng trọt:* Quý III, cả nước tập trung chăm sóc và thu hoạch lúa Hè Thu; hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh diện tích gieo cấy lúa Mùa và Thu Đông; đảm bảo gieo trồng và thu hoạch lúa, hoa màu trong khung thời vụ tốt nhất. Tính chung 9 tháng, sản xuất trồng trọt vẫn ổn định, năng suất cả 3 vụ lúa đều tăng, đặc biệt là vụ Đông Xuân. Cụ thể:

*Lúa Đông xuân:* Diện tích gieo cấy đạt 3.006,5 nghìn ha, tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ năm 2020, năng suất thu hoạch bình quân đạt 68,6 tạ/ha, tăng 2,2 tạ/ha nên sản lượng đạt trên 20,6 triệu tấn, tăng 755,1 nghìn tấn so với vụ trước.

*Lúa Hè Thu:* Cả nước đã thu hoạch được 1.643,8 nghìn ha, chiếm 84,1% diện tích gieo cấy và tăng 1,5% cùng kỳ năm trước; năng suất ước đạt 56,5 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha; sản lượng toàn vụ ước đạt 11,03 triệu tấn, tăng 282,7 nghìn tấn. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo trồng đạt 1.509 nghìn ha, giảm 15,1 nghìn ha; năng suất ước đạt 56,6 tạ/ha, tăng 1 tạ/ha; sản lượng ước đạt 8,55 triệu tấn, tăng 76,7 nghìn tấn so với vụ trước.

*Lúa Mùa:* Tính đến trung tuần tháng 9, cả nước đã gieo cấy được 1.577,4 nghìn ha lúa Mùa, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2020. Các địa phương phía Bắc gieo cấy đạt 1.040,9 nghìn ha, giảm 10,7 nghìn ha và đã cho thu hoạch 133,6 nghìn ha với năng suất đạt khoảng 57,7 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so cùng kỳ; các địa phương phía Nam đạt 536,5 nghìn ha, tăng 1,4% so cùng kỳ. Ước tính vụ Mùa năm nay, diện tích gieo trồng đạt 1.612,5 nghìn ha, giảm 1,6%.

*Lúa Thu Đông:* Các địa phương Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 599,7 nghìn ha, tăng 0,6% so với cùng kỳ. Đến nay, lúa Thu Đông chủ yếu ở giai đoạn trổ đều và bắt đầu thu hoạch, sâu bệnh gây hại không đáng kể. Ước tính, diện tích gieo trồng đạt 988,7 nghìn ha, giảm 18,3 nghìn ha so với năm trước; năng suất đạt 56 tạ/ha, tăng 0,2 tạ; sản lượng đạt 5.541,2 nghìn tấn, giảm 73,3 nghìn tấn so với cùng kỳ; do mưa đầu mùa trề, vụ Hè Thu xuống giống muộn nên đến thời điểm này một số diện tích lúa hè thu chưa thu hoạch dứt điểm.

*Cây hàng năm khác:* Tính đến ngày 15/9, cả nước đã gieo trồng được 876,3 nghìn ha ngô, giảm 1,6% so với cùng kỳ; 90 nghìn ha khoai lang, giảm 10,8%; 171,3 nghìn ha lạc, giảm 1,8%; 37,2 nghìn ha đậu tương, giảm 9,1%; 997,2 nghìn ha rau đậu, tăng 0,5%. Kết quả sản xuất rau màu kém hơn cùng kỳ do thời tiết không thuận lợi; việc thực hiện giãn cách ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng.

*Sản xuất cây lâu năm* đều tăng cả về diện tích và sản lượng so với 9 tháng năm 2020, cụ thể: Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm ước đạt 3.642,4 nghìn ha, tăng 1,3% so cùng kỳ. Nhóm cây ăn quả đạt 1.154,1 nghìn ha, tăng 3,6%;

nhóm cây lấy quả chứa dầu đạt 185,0 nghìn ha, tăng 2,7%; nhóm cây công nghiệp đạt 2.192,2 nghìn ha, giảm 0,1%; nhóm cây gia vị, dược liệu đạt 53,7 nghìn ha, tăng 6,5%.

Diện tích cây ăn quả tiếp tục xu hướng tăng do nhiều địa phương thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa mang tính bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân. Một số cây có diện tích gieo trồng tăng cao, gồm: xoài đạt 113,5 nghìn ha, tăng 3,7%; sầu riêng đạt 74,6 nghìn ha, tăng 6,9%; mít đạt 65,5 nghìn ha, tăng 14,3%; bưởi đạt 106,9 nghìn ha, tăng 3,3%. Sản lượng một số cây ăn quả chủ yếu như sau: Xoài ước đạt 801,1 nghìn tấn, tăng 6,7%; thanh long đạt 1.030,5 nghìn tấn, tăng 1,7%; cam đạt 689,7 nghìn tấn, tăng 3,8%; bưởi đạt 511,3 nghìn tấn, tăng 6,1%; chuối đạt 1.779,2 nghìn tấn, tăng 2,6%; nhãn đạt 544,4 nghìn tấn, tăng 7,8%.

Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp chính như sau: Điều đạt 303,1 nghìn ha, tăng 0,9% với sản lượng đạt khoảng 365,2 nghìn tấn, tăng 5,1%; hồ tiêu đạt 130,6 nghìn ha, giảm 1,8% nhưng sản lượng đạt 275,6 nghìn tấn, tăng 2,3%; cao su 934,4 nghìn ha, giảm 0,8% nhưng sản lượng đạt 822,8 nghìn tấn, tăng 2,6%; cà phê đạt 699,1 nghìn ha, tăng 0,6% và sản lượng đạt 7,1 nghìn tấn, tăng 1,4%; chè búp 125,0 nghìn ha, tăng 1,0% với sản lượng đạt 865,2 nghìn tấn, tăng 1,8%.

- *Về chăn nuôi*, mặc dù nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách, nhưng lực lượng thú y địa phương vẫn nỗ lực để theo dõi và kiểm soát tốt dịch bệnh trên cả nước. Nhìn chung, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát nhưng bệnh dịch tả lợn châu Phi, viêm da nổi cục vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát. Sản phẩm chăn nuôi các loại vẫn tăng, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng trong nước

Tổng đàn trâu cả nước giảm khoảng 3,7% so với cùng kỳ năm 2020, sản lượng thịt trâu ước đạt 86,6 nghìn tấn, giảm 0,4% (quý III ước đạt 25,6 nghìn tấn, giảm 1,3%). Đàn bò tăng 1,1%, sản lượng thịt 332,4 nghìn tấn, tăng 2,4% (quý III ước đạt 101,4 nghìn tấn, giảm 1,6%); sản lượng sữa bò tươi 9 tháng ước đạt 856,6 nghìn tấn, tăng 11,0% (quý III ước đạt 295,5 nghìn tấn, tăng 10,5%) so với cùng kỳ năm 2020.

*Đàn lợn* cả nước đang dần được khôi phục nhưng ngành chăn nuôi lại đang gặp nhiều khó khăn khi giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng từ cuối năm 2020 đến nay. Thêm vào đó trong bối cảnh giãn cách xã hội kéo dài, nhà hàng, quán ăn đóng cửa ở các thành phố lớn, du lịch đình trệ... khiến nhu cầu tiêu thụ

thịt lợn giảm khiến giá thịt lợn hơi giảm liên tục từ cuối tháng Tư. Tổng đàn lợn tăng khoảng 3,8% so với cùng thời điểm năm 2020; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 3.060,9 nghìn tấn, tăng 5,0% (quý III ước đạt 1058,7 nghìn tấn, giảm 0,3%).

*Chăn nuôi gia cầm* tiếp tục phát triển nhưng do nhu cầu thị trường giảm, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao; Đàn gia cầm tăng 1,0%, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 1.402,7 nghìn tấn, tăng 4,3% (quý III ước đạt 470,5 nghìn tấn, tăng 1,0%); sản lượng trứng ước đạt 12,8 tỷ quả, tăng 4,3% (quý III ước đạt 4,4 tỷ quả, tăng 2,8%).

Tính đến ngày 20/9, cả nước không có dịch tai xanh; có 02 ổ dịch cúm gia cầm A/H5N8 tại Lạng Sơn; 01 ổ dịch Lở mồm long móng tại tỉnh Thái Nguyên; có 388 ổ dịch tả lợn châu Phi tại 126 huyện của 35 tỉnh, thành phố và 832 ổ dịch Viêm da nổi cục tại 168 huyện của 31 tỉnh, thành phố chưa qua 21 ngày.

- *Ngành lâm nghiệp*, quý III, sản xuất lâm nghiệp gặp khó khăn do nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài, hoạt động trồng rừng và khai thác gỗ giảm tiến độ so với kỳ vọng. Diện tích rừng trồng mới tập trung Quý III ước tính đạt 65,8 nghìn ha, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 18,5 triệu cây, tăng 2,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.643,6 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 2,0%; sản lượng củi khai thác đạt 4,4 triệu ste, giảm 2,7%.

Sản xuất lâm nghiệp 9 tháng đầu năm 2021 phần lớn diễn ra thuận lợi ở những tháng đầu năm khi chưa chịu tác động lớn từ đại dịch Covid-19, hoạt động trồng rừng và khai thác gỗ phát triển tốt phục vụ nhu cầu chế biến và xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Tuy nhiên từ Quý III, các doanh nghiệp chế biến gỗ gặp khó khăn trong thu mua nguyên liệu, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm do nguồn cung bị đứt gãy đã ảnh hưởng đến hoạt động khai thác gỗ. Tính chung 9 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 176,2 nghìn ha, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 65,1 triệu cây, tăng 2,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 12.589,2 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 4,3%; sản lượng củi khai thác đạt 14,3 triệu ste, giảm 0,9%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, cả nước có 1.748,2 ha rừng bị thiệt hại, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 1.020,2 ha, tăng 54,6%; diện tích rừng bị chặt, phá là 728 ha, tăng 8,3%.

- *Ngành thủy sản*: Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản trong quý III bị tác động lớn bởi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản khi hầu hết các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (vùng

trọng điểm về nuôi trồng thủy sản) phải thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16 trong thời gian dài. Chuỗi sản xuất - chế biến - xuất khẩu thủy sản đứng trước nguy cơ đứt gãy.

Sản lượng thủy sản quý III ước đạt 2.281,4 nghìn tấn, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 1.607,5 nghìn tấn, giảm 5,9%; sản lượng tôm ước đạt 337,0 nghìn tấn, giảm 5,2%. Lũy kế 9 tháng, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 6.377,3 nghìn tấn, giảm 0,2%; trong đó, sản lượng cá ước đạt 4.612,5 nghìn tấn, giảm 1,2%; sản lượng tôm ước đạt 810,0 nghìn tấn, tăng 3,4%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý III ước đạt 1.215,3 nghìn tấn, giảm 8,8%. 9 tháng, sản lượng ước đạt 3.320,1 nghìn tấn, giảm 1%. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.224,1 nghìn tấn, giảm 3,1%; sản lượng tôm ước đạt 699,8 nghìn tấn, tăng 4,3%. Sản lượng cá tra ước đạt 987,4 nghìn tấn, giảm 9,5%; tôm sú đạt 196,6 nghìn tấn, tăng 1,9%; tôm thẻ chân trắng ước đạt 462,2 nghìn tấn, tăng 5,5%.

Sản lượng thủy sản khai thác quý III ước đạt 1.066,1 nghìn tấn, giảm 0,6% so cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, sản lượng khai thác ước đạt 3057,2 nghìn tấn, tăng 0,7%. Trong đó, cá ước đạt 2.388,4 nghìn tấn, tăng 0,7%, tôm ước đạt 110,2 nghìn tấn, giảm 2,2%. Sản lượng khai thác biển ước đạt 2.917,6 nghìn tấn, tăng 0,8%.

#### *b) Sản xuất công nghiệp*

Sản xuất công nghiệp trong quý III/2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhất là tại các địa phương có khu công nghiệp lớn phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý III/2021 giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất từ trước đến nay. Tính chung 9 tháng năm 2021, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,29%; quý II tăng 11,18%; quý III giảm 3,5%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,05% (quý I tăng 8,9%; quý II tăng 13,35%; quý III giảm 3,24%), cao hơn tốc độ tăng 4,91% của cùng kỳ năm 2020, ngành khai khoáng giảm 7,17% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 6% và khí đốt tự nhiên dạng khí giảm 17,6%).

*Các ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất* tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 28,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 7,7%; sản xuất trang phục tăng 4,8%; sản xuất da và các

sản phẩm có liên quan tăng 4,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 3,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 2%.

Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 12,4%; sản xuất đồ uống giảm 4,2%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 2,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 1,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 1,1%.

Chỉ số sản xuất 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19, như: Thành phố Hồ Chí Minh giảm 12,9%, Bến Tre giảm 11,2%, Đồng Tháp giảm 9,9%, Cần Thơ giảm 9,8%, Khánh Hòa giảm 9,5%, Trà Vinh giảm 7,3%.

*Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2021* tăng 12,4% so với tháng trước và giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

*Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2021* tăng 3,5% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 28,2% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 24,3%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2021 là 81,1% (cùng kỳ năm trước là 75,6%).

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu như sau:

- *Ngành dầu khí:* Sản lượng khai thác dầu thô ước đạt 8,24 triệu tấn, đạt 84,7% kế hoạch năm, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2020, gồm: khai thác dầu thô trong nước khoảng 6,83 triệu tấn, bằng 85,4% kế hoạch, giảm 6%; khai thác dầu thô ở nước ngoài khoảng 1,40 triệu tấn, bằng 80,9% kế hoạch, tăng 2%. Sản lượng khí ước đạt 5,82 tỷ m<sup>3</sup>, đạt 59,6% kế hoạch năm, giảm 18% so với cùng kỳ năm 2020.

- *Ngành điện:* Sản lượng điện sản xuất và mua ước đạt 184,782 triệu KWh, bằng 72,8% kế hoạch năm, tăng 3,10 % so với cùng kỳ năm 2020, trong đó điện sản xuất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam khoảng 76,923 triệu KWh, giảm 8,64%; sản lượng điện thương phẩm ước đạt 170,357 triệu KWh, tăng 4,96%, trong đó: điện cho nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 6,129 triệu KWh, tăng 10,89%; điện cho công nghiệp, xây dựng ước đạt 91,261 triệu KWh, tăng 6,62; điện cho thương nghiệp và khách sạn ước đạt 7,040 triệu KWh, giảm 10,56%; điện cho quản lý và tiêu dùng của dân cư ước đạt 59,339 triệu KWh, tăng 5,11%.

- *Ngành than:* Doanh thu toàn Tập đoàn ước đạt 94,6 ngàn tỷ đồng, giảm 5 % so với cùng kỳ 2020. Than nguyên khai sản xuất đạt 29,74 triệu tấn, không tăng so với cùng kỳ; than sạch thành phẩm đạt 30,72 triệu tấn, tăng 5% so cùng kỳ năm 2020; than tiêu thụ đạt 33,1 triệu tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2020. Tồn kho than sạch bao gồm cả cuối nguồn là 7,3 triệu tấn. Than nguyên khai tồn kho: 2,9 triệu tấn.

- *Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước:* Linh kiện điện thoại tăng 43,6%; thép cán tăng 43,3%; ô tô tăng 18,6%; xăng dầu các loại tăng 16,1%; khí hóa lỏng LPG tăng 15,7%; sắt, thép thô tăng 12,4%; sữa bột tăng 10,3%; giày, dép da tăng 9,4%; phân hỗn hợp NPK tăng 9,2%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Tivi các loại giảm 35,9%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 17,6%; thủy hải sản chế biến giảm 8,8%; bia các loại giảm 8,7%; đường kính giảm 8,3%; thức ăn cho thủy sản giảm 7,2%; dầu mỏ thô khai thác giảm 6%.

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/9/2021* tăng 1,5% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 13,9% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không đổi và giảm 5,8%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,4% và giảm 16,1%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,8% và giảm 14,2%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 0,2% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 2,6% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 1,7% và giảm 14,9%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,1% và tăng 1,9%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% và giảm 2,3%.

#### *c) Khu vực dịch vụ*

Nhìn chung trong Quý III/2021, hoạt động thương mại diễn ra không mấy sôi nổi, nhiều tỉnh thành trên cả nước đều ở trong trạng thái tạm dừng hoạt động kinh doanh, buôn bán để phòng chống dịch. Mặc dù nhu cầu về thực phẩm của người dân khá cao để tích trữ lương thực, thực phẩm, tuy nhiên việc lưu thông hàng hóa gặp khó khăn nên chỉ có thể cung cấp mặt hàng thiết yếu cho người dân.

Riêng trong tháng 9, dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp tại nhiều tỉnh thành trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh thành phía Nam. Các tỉnh thành kéo dài thực hiện giãn cách xã hội từ ngày 19/7/2021 đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động thương mại, dịch vụ chung của cả nước. Tuy nhiên từ 15/9, dịch Covid-19

bước đầu được kiểm soát ở một số địa phương, nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ được phép hoạt động trở lại.

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* trong tháng ước tính đạt 308,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% so với tháng trước và giảm 28,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước; nếu loại trừ yếu tố giá giảm 8,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,1%); trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.779,7 nghìn tỷ đồng, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 279,4 nghìn tỷ đồng, giảm 22,1%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 4,6 nghìn tỷ đồng, giảm 64%.

Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách quốc tế chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các công ty, dự án. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều tỉnh thành trên cả nước khiến cho hoạt động du lịch nội địa chưa khôi phục trở lại. Điều này đã ảnh hưởng lớn tới doanh thu dịch vụ du lịch của nhiều địa phương.

Số liệu khách du lịch nội địa 8 tháng đầu năm đạt 31,2 triệu lượt khách (giảm 5,5% so với cùng kỳ năm 2020), trong đó có 16,1 triệu lượt khách nghỉ đêm tại cơ sở lưu trú du lịch. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 136.520 tỷ đồng, giảm 36,5% so với cùng kỳ năm 2020.

*Khách quốc tế đến nước ta* trong tháng đạt 9,5 nghìn lượt người, giảm 31% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam. Tính chung 9 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta đạt 114,5 nghìn lượt người, giảm 97% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, nhiều địa phương nới lỏng dần giãn cách xã hội từ áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg xuống Chỉ thị số 15/CT-TTg nên vận tải hành khách và hàng hóa chuyển biến tích cực. Nửa cuối tháng 9, các hãng hàng không đang lên kế hoạch khôi phục lại một số đường bay nội địa với điều kiện nghiêm ngặt với giới hạn về tần suất khai. Tính chung 9 tháng, vận tải hành khách ước đạt 2.018,8 triệu lượt khách, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 giảm 29,6%) và luân chuyển 82,7 tỷ lượt khách.km, giảm 30,9% (cùng kỳ năm trước giảm 35,2%); vận tải hàng hóa ước đạt 1.195 triệu tấn, giảm 5,6% (cùng kỳ năm 2020 giảm 7,3%) và luân chuyển 242,8 tỷ tấn.km, giảm 0,3% (cùng kỳ năm



trước giảm 8,2%).

Xét theo ngành vận tải, tất cả các ngành đường 9 tháng năm nay đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong đó hàng không và đường sắt là những ngành chịu thiệt hại khá nặng nề.

*d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

Dịch Covid-19 bước đầu được kiểm soát, nhiều địa phương đang dần nới lỏng các biện pháp giãn cách nên hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng tăng nhẹ so với tháng trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2021 ước tính đạt 53,5 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa vẫn duy trì tốc độ tăng cao, đạt 483,17 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước.

- *Về xuất khẩu*, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong tháng ước đạt 27 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước; tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 62,72 tỷ USD, tăng 8,5%, chiếm 26,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 177,8 tỷ USD, tăng 22,8%, chiếm 73,9%.

*Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng năm 2021*, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước tính đạt 2,66 tỷ USD, tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến ước tính đạt 214 tỷ USD, tăng 19,5% và chiếm 89%. Nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 17,7 tỷ USD, tăng 17,6% và chiếm 7,4%. Nhóm hàng thủy sản đạt 6,17 tỷ USD, tăng 2,4% và chiếm 2,5%.

Trong 9 tháng năm 2021 có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,5% tổng kim ngạch xuất khẩu (6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,2%). Tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó: Điện thoại và linh kiện chiếm 99,1%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98%; máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng chiếm 92,5%; giày dép chiếm 80,5%; dệt may chiếm 62,6%.

*Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2021*, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 69,8 tỷ USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 38,5 tỷ USD, tăng 18,3%. Thị trường EU đạt 28,8 tỷ USD, tăng 11,6%. Thị trường ASEAN đạt 20,6 tỷ USD, tăng 21,2%. Hàn Quốc đạt 16,1 tỷ USD, tăng 11,4%. Nhật Bản đạt 14,7 tỷ USD, tăng 5,1%.

- *Về nhập khẩu*, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2021 ước tính đạt

26,5 tỷ USD, giảm 3,1% so với tháng trước; tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 242,65 tỷ USD, tăng 30,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 83,72 tỷ USD, tăng 25%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 158,93 tỷ USD, tăng 33,6%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 9 tháng năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 227,65 tỷ USD, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,8% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 111,45 tỷ USD, tăng 25,2% và chiếm 45,9%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 116,2 tỷ USD, tăng 37,4% và chiếm 47,9%. Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 15 tỷ USD, tăng 22,4% và chiếm 6,2%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 81,3 tỷ USD, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 40,2 tỷ USD, tăng 21,6%. Thị trường ASEAN đạt 30,7 tỷ USD, tăng 41,2%. Nhật Bản đạt 16,3 tỷ USD, tăng 11,6%. Thị trường EU đạt 12,6 tỷ USD, tăng 19%. Hoa Kỳ đạt 11,7 tỷ USD, tăng 12,7%.

- Về cân đối xuất, nhập khẩu, tháng 9 ước tính xuất siêu 0,5 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,13 tỷ USD<sup>23</sup> (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,66 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,87 tỷ USD.

#### *đ) Về tình hình đăng ký doanh nghiệp*

Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài liên tiếp và không có lộ trình cụ thể cho doanh nghiệp mở cửa trở lại (đặc biệt là Quý III/2021) khiến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề. Các doanh nghiệp vốn đã trải qua một năm 2020 khó khăn lại tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới trong năm 2021.

Nhiều nhà máy sản xuất, đặc biệt là ở khu vực phía Nam phải tạm ngừng hoạt động trong thời gian phong tỏa; doanh nghiệp không tiếp cận được khách hàng, hoạt động vận tải hàng hóa và chuỗi cung ứng cho sản xuất bị gián đoạn,

<sup>23</sup> Trong đó, 9 tháng năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 16,2 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 42,8 tỷ USD, tăng 70,6%; nhập siêu từ Hàn Quốc 24,1 tỷ USD, tăng 29,6%; nhập siêu từ ASEAN 10,1 tỷ USD, tăng 112,3%.

đứt gãy, doanh thu giảm mạnh hoặc thậm chí không có doanh thu, các nguồn lực dự trữ đang cạn dần, thị trường chưa có dấu hiệu phục hồi hoặc đang phục hồi rất chậm... Bối cảnh dịch bệnh cùng thời gian phong tỏa kéo dài đã khiến cho tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021 có sự sụt giảm “nghiêm trọng” so với những năm trước.

- Về số doanh nghiệp thành lập mới:

+ Trong tháng, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và số vốn đăng ký sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020, đây là số doanh nghiệp thành lập mới trong một tháng thấp nhất trong hơn 1 thập kỷ qua. Cụ thể, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng chỉ đạt 3.899 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 62.432 tỷ đồng, giảm 62,2% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 32,3% so với tháng 8/2021 về số doanh nghiệp và giảm tương ứng 69,3% và giảm 8,1% về số vốn đăng ký. Đây cũng là mức vốn đăng ký mới thấp nhất trong tháng 9 kể từ năm 2016.

Nhiều địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh ghi nhận tình hình doanh nghiệp rất đáng lo ngại; trong đó:

Thành phố Hồ Chí Minh có 594 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 80,9% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 25,3% so với tháng 8/2021, thấp hơn 4,8 lần so với mức doanh nghiệp thành lập mới trung bình trong 1 tháng của 8 tháng đầu năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 14.484 tỷ đồng, giảm 88% so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý là số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới của thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 9/2021 còn thấp hơn số lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trung bình trong một ngày của địa phương này giai đoạn trước giãn cách xã hội<sup>24</sup>.

Bình Dương có 63 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 89,8% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 3,1% so với tháng 8/2021, thấp hơn 7,5 lần so với mức doanh nghiệp thành lập mới trung bình trong 1 tháng của 8 tháng đầu năm 2021 tại Bình Dương. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 959 tỷ đồng, giảm 75,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng Nai có 39 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 88,1% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 33,9% so với tháng 8/2021, thấp hơn 7,2 lần so với mức doanh nghiệp thành lập mới trung bình trong 1 tháng của 8 tháng đầu năm 2021 tại Đồng Nai. Số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 230 tỷ đồng, giảm 95,8% so với cùng kỳ năm 2020.

<sup>24</sup> Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2021, trung bình một ngày tại thành phố Hồ Chí Minh có 661 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả hồ sơ đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi)

+ Tính chung 9 tháng, số doanh nghiệp thành lập mới là 85.483 doanh nghiệp, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2020 và là số doanh nghiệp gia nhập thị trường thấp nhất trong giai đoạn 9 tháng đầu năm kể từ năm 2017. Số vốn đăng ký thành lập trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 1.195.801 tỷ đồng, giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2020. Số liệu doanh nghiệp gia nhập thị trường 9 tháng và Quý III/2021 cho thấy tâm lý e ngại dịch bệnh và các biện pháp giãn cách mạnh mẽ đã khiến nhiều dự định kinh doanh, kế hoạch kinh doanh bị gác lại, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình doanh nghiệp gia nhập thị trường.

Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2021 là 2.872.971 tỷ đồng (giảm 20,2% so với cùng kỳ năm 2020), trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 1.195.801 tỷ đồng (giảm 16,3% so với cùng kỳ năm 2020). Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 14 tỷ đồng, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2021 là 648.846 lao động, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Đặc biệt, đối với Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng ca nhiễm trong cộng đồng cao nhất cả nước và là địa phương thực hiện giãn cách sớm đã có sự sụt giảm về cả số doanh nghiệp đăng ký thành lập và số vốn đăng ký với tỷ lệ giảm 22,3% và 40,9% so với cùng kỳ năm 2020 (trung bình 9 tháng giai đoạn 2016-2020, thành phố Hồ Chí Minh tăng 5,9% về số doanh nghiệp và tăng 38,5% về số vốn).

+ Tính riêng trong Quý III/2021 (thời điểm việc giãn cách xã hội được thực hiện nghiêm ngặt nhất), số lượng doanh nghiệp thành lập mới chỉ đạt 18.400 doanh nghiệp, mức thấp nhất trong giai đoạn Quý III kể từ năm 2015, giảm 51,3% so với Quý II/2021, giảm 37,2% so với Quý I/2021 và giảm 50,1% so với cùng kỳ năm 2020. Số vốn đăng ký mới cũng giảm đáng kể so với các giai đoạn trước, chỉ đạt 253.153 tỷ đồng, thấp nhất trong giai đoạn Quý III kể từ năm 2017, giảm 48,8% so với Quý II/2021, giảm 43,5% so với Quý I/2021 và giảm 65,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Nếu so sánh với trung bình Quý III giai đoạn 2016-2020 thì số doanh nghiệp gia nhập thị trường và số vốn đăng ký mới trong Quý III/2021 cũng sụt giảm đáng kể: giảm gần 1,8 lần về số doanh nghiệp và giảm 1,6 lần về số vốn đăng ký mới (Trung bình trong Quý III giai đoạn 2016-2020 có 32.789 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 399.852 tỷ đồng).

- *Về số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động:* Trong tháng ghi nhận có 3.317 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 27,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 9 tháng, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 32.347 doanh nghiệp, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2020. Các lĩnh vực có số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động nhiều nhất trong tháng 9 đầu năm 2021 là: Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm 35,9%); Xây dựng (chiếm 14,6%); Công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,4%).

- *Về số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường:*

+ Trong tháng, cả nước có 5.355 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, giảm 41,2% so với cùng kỳ năm 2020 và giảm 16,9% so với tháng 8/2021; trong đó có: 2.240 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giảm 31,5% so với cùng kỳ năm 2020; 2.509 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể, giảm 38,8%; 606 doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại, giảm 65,1%.

Số liệu này có thể chưa phản ánh đúng thực tế số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường do nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội, các doanh nghiệp mặc dù đã ngừng hoạt động nhưng không thể thực hiện các thủ tục liên quan đến việc rút lui khỏi thị trường như: không họp được hội đồng thành viên, không ký được các giấy tờ, không xử lý được các vấn đề về thủ tục thuế, thanh lý tài sản,... và nhiều doanh nghiệp chỉ ngừng rất ngắn hạn khi thực hiện giãn cách xã hội (1 - 2 tháng) nên không làm thủ tục tạm ngừng kinh doanh.

+ Tính chung 9 tháng đầu năm, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có sự gia tăng, với 90.291 doanh nghiệp, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, có 45.091 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm 49,9% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 9 tháng đầu năm 2021.

Tính riêng Thành phố Hồ Chí Minh, trong 9 tháng đầu năm 2021 có 24.491 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (chiếm 27,1% số doanh nghiệp rút lui của cả nước). Sự gia tăng về doanh nghiệp rút lui chủ yếu đến từ sự gia tăng số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (12.958 doanh nghiệp, tăng 12,8%).

Số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể 9 tháng đầu năm là 32.398 doanh nghiệp, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2020. Số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại là 12.802 doanh nghiệp, tăng 5,9% so với cùng kỳ.

- *Về khảo sát doanh nghiệp:* sau nhiều tháng liền chống chọi với những khó khăn do dịch Covid-19, sức lực của nhiều doanh nghiệp đã bị bào mòn. Báo cáo khảo sát do Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) thuộc Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ đối với hơn

21.500 doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực, thành phần kinh tế vào tháng 8 vừa qua cho thấy, có tới 69% doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động sản xuất - kinh doanh do dịch, 15% doanh nghiệp giải thể/ngừng hoạt động kinh doanh chờ giải thể và chỉ có 16% doanh nghiệp cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh mặc dù không thể hoạt động toàn công suất<sup>25</sup>.

Cũng theo khảo sát này thì tỷ lệ doanh nghiệp có dòng tiền hiện tại có thể giúp duy trì hoạt động từ 1 đến dưới 3 tháng ở cả hai nhóm doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động do dịch và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh đều quanh mức 46%. Như vậy, doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động do dịch có thể tiếp tục tồn tại hay không phụ thuộc khá nhiều vào khả năng được phép hoạt động trở lại hay không. Nếu nhóm doanh nghiệp này chỉ có dòng tiền đủ để duy trì hoạt động từ 1 đến dưới 3 tháng mà vẫn tiếp tục ở trong các khu vực đang thực hiện cách ly, giãn cách thì xác suất rơi vào nhóm giải thể là rất cao, vì họ không có nguồn tiền từ bên ngoài bổ sung dưới mọi hình thức<sup>26</sup>. Điều này cũng được lãnh đạo của 14 hiệp hội ngành hàng lớn nhất nước thuộc các lĩnh vực công nghiệp, thực phẩm, điện tử, chế biến thủy hải sản, đồ gỗ, nhựa, giấy... nêu tại kiến nghị gửi đến Chính phủ đề xuất chiến lược “Phòng chống dịch theo Điểm” phục hồi sản xuất, kinh doanh an toàn trong bối cảnh chống dịch mới. Theo các hiệp hội, dịch Covid-19 kéo dài dẫn đến thực trạng nhiều doanh nghiệp đối mặt nguy cơ phá sản, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế bị đứt gãy<sup>27</sup>.

*- Khảo sát xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp*

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2021 cho thấy: Có 13,2% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý II/2021; 25,4% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 61,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn<sup>28</sup>. Dự kiến quý IV/2021, có 43,4% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý III/2021; 26,3% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 30,3% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lạc quan nhất với 79,4% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý IV/2021 tốt hơn và giữ ổn định so với quý III/2021; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước lần lượt là 71,8% và 68,8%.

<sup>25</sup> <https://vnexpress.net/doanh-nghiep-dang-kiet-suc-can-tien-4352350.html>

<sup>26</sup> <https://bnews.vn/doanh-nghiep-thieu-hut-ve-dong-tien/213329.html>

<sup>27</sup> <https://nld.com.vn/kinh-te/14-hiep-hoi-kien-nghi-cac-giai-phap-song-chung-voi-dich-covid-19-20210917102714437.htm>

<sup>28</sup> Chỉ số tương ứng của quý II/2021: Có 30,5% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 37,7% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 31,8% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

- Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn trong 09 tháng đầu năm 2021 chậm so kế hoạch đề ra. Trong 9 tháng đầu năm, đã thoái vốn nhà nước tại 13 doanh nghiệp với giá trị sổ sách là 287 tỷ đồng, thu về 2.166,4 tỷ đồng, bên cạnh đó, nhận được báo cáo phê duyệt phương án cổ phần hóa 03 doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tổng giá trị doanh nghiệp là 252 tỷ đồng, trong đó phần vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty là 151 tỷ đồng.

#### **(4) Về một số lĩnh vực xã hội**

*Việc làm, sinh kế, đời sống người dân, người lao động bị ảnh hưởng nặng nề, nhất là tại khu vực thành thị. Việc triển khai chính sách hỗ trợ người dân vẫn gặp nhiều khó khăn do số người được hỗ trợ lớn, trong khi công tác triển khai có nơi, có lúc còn lúng túng. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm. Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, điều trị bệnh nhân được thực hiện quyết liệt; tăng cường tìm kiếm, kêu gọi tài trợ, mua và triển khai tiêm vắc-xin. An toàn, an ninh, an dân, quốc phòng được giữ vững; hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, đi vào thực chất.*

Cụ thể như sau:

##### *a) Về lao động, việc làm*

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm quý III/2021, lao động đang làm việc trong nền kinh tế giảm mạnh so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước<sup>29</sup>, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng cao nhất kể từ quý I/2020<sup>30</sup>. Tính chung 9 tháng, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 67,7%, giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, tiếp tục tập trung hướng dẫn, chỉ đạo các ngành và các địa phương triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP. Đã hỗ trợ khoảng 14,9 nghìn tỷ đồng cho 18,1 triệu lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP; đã ban hành Nghị quyết số 116/NQ-CP hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động từ nguồn kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp với kinh phí khoảng 30 nghìn tỷ đồng.

Tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, 9 tháng đầu năm có 571.137 người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, bằng 66,9% so với cùng kỳ năm 2020; 573.624 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, bằng 71,9%

<sup>29</sup> Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc quý III/2021 giảm 2,4 triệu người so với quý trước và giảm 2,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

<sup>30</sup> Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I/2020 là 2,34%; quý II/2020 là 2,85%; quý III/2020 là 2,73%; quý IV/2020 là 2,63%; quý I/2021 là 2,42%; quý II/2021 là 2,62% và quý III/2021 là 3,72%.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I/2020 là 1,98%; quý II/2020 là 2,98%; quý III/2020 là 2,72%; quý IV/2020 là 1,82%; quý I/2021 là 2,20%; quý II/2021 là 2,60% và quý III/2021 là 4,39%.

so với cùng kỳ năm 2020; 1.317.984 lượt người được tư vấn, giới thiệu việc làm, tăng 51,5% so với cùng kỳ năm 2020; 14.173 người có quyết định hỗ trợ học nghề, giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp hàng tháng cho người lao động theo quyết định trợ cấp thất nghiệp trong 8 tháng đầu năm là 10.859 tỷ đồng (556.484 người có quyết định trợ cấp thất nghiệp). Số lượng hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp 9 tháng năm 2021 không theo xu hướng cắt giảm lao động lớn của doanh nghiệp, nguyên nhân là do yêu cầu thực hiện giãn cách xã hội, thời gian yêu cầu để nộp hồ sơ dài nên người lao động quan tâm phòng chống dịch trước, chưa thực hiện hoàn tất hồ sơ để hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian tới, khi dịch cơ bản được kiểm soát, các khu vực được gỡ phong tỏa, dự kiến số lao động đến nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp sẽ tăng lên rất nhiều.

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản<sup>31</sup> quý I/2021 là 57,1%; quý II là 57,4%; quý III ước tính là 54%, trong đó khu vực thành thị là 45,5%; khu vực nông thôn là 61,4%. Tính chung 9 tháng năm 2021 tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản ước tính là 55,9%, trong đó khu vực thành thị là 47,2%; khu vực nông thôn là 63,3% (9 tháng năm 2020 tương ứng là 56%; 48%; 62,4%).

Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương quý III/2021 là 6 triệu đồng/tháng, giảm 780 nghìn đồng so với quý trước và giảm 510 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu nhập của lao động nam là 6,4 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 5,5 triệu đồng/tháng. Tính chung 9 tháng năm 2021, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 6,7 triệu đồng/tháng, giảm 11 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

#### *b) Về khoa học và công nghệ*

Trong tháng, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Đã hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật Sở hữu trí tuệ (sửa

<sup>31</sup> Lao động có việc làm phi chính thức phi nông nghiệp bao gồm những người không làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và thuộc một trong ba nhóm sau: (i) người làm công ăn lương thuộc khu vực chính thức không được ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; lao động gia đình tại cơ sở thuộc khu vực chính thức và thành viên hợp tác xã không có bảo hiểm xã hội bắt buộc; (ii) chủ cơ sở, lao động tự làm, lao động làm công ăn lương và lao động gia đình tại cơ sở thuộc khu vực phi chính thức; (iii) lao động tự làm phục vụ nhu cầu tự tiêu dùng của hộ gia đình và lao động làm thuê trong các hộ gia đình.



đổi) báo cáo Chính phủ gửi Ủy ban pháp luật thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào Phiên họp thứ ba và dự kiến tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi), báo cáo Chính phủ để trình xin ý kiến Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2.

Tiếp tục thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tập trung nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển vắc-xin trong nước<sup>32</sup>; Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đột biến gen của SARS-CoV-2 tại Việt Nam. Vắc xin Nanocovax đang thực hiện thử nghiệm giai đoạn 3 và đang được các cơ quan chuyên môn xem xét cấp phép sử dụng khẩn cấp; đang thử nghiệm lâm sàng vắc xin Covivac và vắc xin của hãng Vabiotech. Bộ KIT xét nghiệm Covid-19 Công ty cổ phần Công nghệ Việt Á sản xuất được sử dụng trên toàn quốc. Về chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin: Vingroup đã đăng ký chuyển giao công nghệ và thử nghiệm vắc xin Arct-154 trên nền công nghệ mRNA từ Công ty Acturus (Hoa Kỳ). Đề án Hệ tri thức Việt số hóa tập trung mọi nguồn lực phát triển ứng dụng hỗ trợ chống dịch Covid-19.

Về Chỉ số sáng tạo toàn cầu (Chỉ số GII) năm 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia và nền kinh tế, giữ vị trí số một trong nhóm ba quốc gia đổi mới theo nhóm thu nhập, xếp trước Ấn Độ và Ukraine.

### *c) Về giáo dục đào tạo*

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến ngành giáo dục của cả nước, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Để thích ứng với tình hình thực tế, ngành giáo dục đã kịp thời đưa ra các phương án ứng phó; chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp để vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa thực hiện kế hoạch năm học. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2021 được tổ chức thành 2 đợt để đảm bảo an toàn cho các thí sinh tham gia kỳ thi, đợt 1 tổ chức vào ngày 07-08/7/2021 và đợt 2 tổ chức vào ngày 06-07/8/2021.

Triển khai năm học mới 2021-2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19; ban hành các hướng dẫn thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học linh hoạt, phù hợp với tình hình các địa phương; tổ chức tập huấn tăng cường kỹ

<sup>32</sup> (1) Đang xây dựng Chương trình KH&CN trọng điểm quốc gia “Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030”; (2) Tiếp tục phối hợp thúc đẩy nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 2 thuốc Lambda điều trị Covid-19; (3) Hỗ trợ, hướng dẫn Công ty cổ phần công nghệ sinh học VINBIOCARE (Tập đoàn Vingroup) thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất vắc xin tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; (4) Bộ KH&CN đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin phòng Covid-19 cho Công ty VINBIOCARE trong 01 ngày làm việc.

năng dạy và học trực tuyến; tinh giản nội dung dạy học, đảm bảo thực hiện nội dung cốt lõi phù hợp với tình hình phòng, chống dịch Covid-19, xây dựng nguồn học liệu dùng chung, tổ chức dạy học trực tuyến và trên truyền hình quốc gia, địa phương; tích cực triển khai Chương trình “Sống và Máy tính cho em”; công tác tuyển sinh đại học được linh hoạt triển khai theo nhiều phương thức, bảo đảm công khai, minh bạch, vì quyền lợi cao nhất của thí sinh và đảm bảo an toàn trong bối cảnh dịch bệnh.

Công tác truyền thông, tư vấn hướng nghiệp trực tuyến, phân luồng học sinh được tăng cường. Ước tuyển sinh 9 tháng đầu năm khoảng 1.448 nghìn người, đạt 61,1% kế hoạch, trong đó: trình độ trung cấp, cao đẳng khoảng 206 nghìn người; trình độ sơ cấp và các chương trình giáo dục nghề nghiệp khác khoảng 1.242 nghìn người.

Tính đến tháng 8 năm 2021, cả nước có 1.909 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó 409 trường cao đẳng (312 trường công lập); 442 trường trung cấp (211 trường công lập); 1.058 trung tâm giáo dục nghề nghiệp (698 trung tâm công lập). Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục là 688 cơ sở (chiếm 36%).

Tính chung 8 tháng năm 2021, đào tạo nghề đã tuyển mới được 995 nghìn người, đạt 41,9% so với kế hoạch năm, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp tuyển sinh được 95 nghìn người; trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tuyển sinh được 900 nghìn người (trong đó số lao động nông thôn được đào tạo 450 nghìn người).

#### *d) Công tác an sinh xã hội*

Trong 9 tháng năm nay, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư và phát triển kinh tế, đặc biệt tại một số địa phương phía Nam. Trước tình hình đó, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương ưu tiên cho công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh với nhiệm vụ trọng tâm là công tác an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người dân ở các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, bảo đảm người dân có đủ ăn, đủ mặc.

Chỉ đạo các địa phương triển khai quyết liệt, kịp thời các chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Nhìn chung, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp song an sinh xã hội vẫn được bảo đảm, đời sống nhân dân vẫn được giữ ổn định. Tính đến ngày 21/9/2021 tổng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương đã hỗ trợ là gần 13,8 nghìn tỷ đồng cho gần 17,6 triệu đối tượng, trong đó có 11,4

ngàn tỷ đồng được chi cho 23 tỉnh, thành phố<sup>33</sup> chịu ảnh hưởng nhiều do dịch bệnh; xuất cấp 136.349,6 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho hơn 2,4 triệu hộ gia đình với gần 9,1 triệu nhân khẩu gặp khó khăn do dịch trên địa bàn 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã chi trên 5.446 tỷ đồng (chiếm 40% toàn quốc) hỗ trợ trên 4,8 triệu đối tượng (chiếm 27,3% toàn quốc) và trao 1,8 triệu túi an sinh xã hội cho người dân.

Công tác an sinh xã hội định kỳ và công tác giảm nghèo bền vững tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện ngay cả trong điều kiện dịch bệnh, các địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, chăm lo cho hộ nghèo như hỗ trợ các hộ vay vốn sản xuất, kinh doanh... Trong 9 tháng năm 2021, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là 10.434,1 tỷ đồng, trong đó, hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 4.014,9 tỷ đồng, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 1.624 tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khác là 2.349,1 tỷ đồng; hỗ trợ người dân do tình hình bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn... là 2.446,1 tỷ đồng. Có hơn 29,3 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

Tỷ lệ hộ nghèo tuy còn ở mức thấp nhưng chủ yếu là đối tượng hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, không có khả năng thoát nghèo. Mức trợ cấp xã hội tuy đã được nâng lên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP nhưng vẫn còn thấp so với mức sống tối thiểu của người dân. Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân nói chung, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội nói riêng. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội; nhất là chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2021. Tập trung xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>34</sup>. Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng đầy đủ cho trên 3,13 triệu đối tượng bảo trợ xã hội<sup>35</sup> với tổng kinh phí trên 18.000 tỷ đồng. Quan tâm chăm sóc người cao tuổi<sup>36</sup>,

<sup>33</sup> Hà Nội, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Yên và 19 tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>34</sup> Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đã được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước với 425 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập, chăm sóc, nuôi dưỡng khoảng 40 nghìn đối tượng bảo trợ xã hội.

<sup>35</sup> Trong đó: 51.229 trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng; 1.812.372 người cao tuổi; 1.096.027 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp và 189.598 đối tượng khác.

<sup>36</sup> NSNN đã bố trí nguồn lực phù hợp, bảo đảm đạt 95% người cao tuổi có thẻ BHYT; trợ cấp xã hội hàng tháng cho hơn 1,8 triệu người cao tuổi; chúc thọ, mừng thọ cho hơn 1,068 triệu người cao tuổi; cả nước có trên 106 bệnh viện cấp trung ương và cấp tỉnh có khoa Lão khoa; gần 1.000 khoa khám bệnh có buồng khám riêng hoặc bố trí bàn khám riêng cho người cao tuổi; hơn 10.183 giường điều trị nội trú ưu tiên cho người cao tuổi, hơn 1,57 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe.

chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật<sup>37</sup>, người tâm thần, người ròi nhiều tâm trí; chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Bên cạnh đó, công tác đền ơn, đáp nghĩa được quan tâm sâu sát. Ngày 30/6/2021, Chủ tịch nước đã ban hành Quyết định số 1142/QĐ-CTN về việc tặng quà nhân dịp kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ với mức quà tặng là 600.000 đồng và 300.000 đồng; tại các địa phương đã tổ chức thăm, tặng quà cho các đối tượng người có công và thân nhân người có công nhân dịp lễ, tết, từ nguồn ngân sách trung ương đến địa phương và nguồn xã hội hóa.

Đến tháng 8/2021<sup>38</sup>, cả nước có 5.338 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 396 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và đã có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; có 196 huyện thuộc 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; 12 tỉnh đã có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 04 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hưng Yên và Hà Nam) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

#### *đ) Chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp<sup>39</sup>. Tại Việt Nam, dịch Covid-19 đang dần được kiểm soát và có những chuyển biến tích cực, số ca mắc trong cộng đồng và tử vong có chiều hướng giảm. Tính đến 17 giờ ngày 26/9/2021 Việt Nam có 756.689 trường hợp mắc, 527.926 trường hợp đã được chữa khỏi (18.584 trường hợp tử vong). Có 16 tỉnh, thành phố đã qua 14 ngày không ghi nhận trường hợp nhiễm mới trong nước: Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lai Châu, Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang, Thái Nguyên, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Phú Thọ, Ninh Bình, Nam Định, Bắc Giang, Thái Bình, Lạng Sơn.

Trong tháng (19/8-18/9/2021), cả nước có 3.474 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (3 trường hợp tử vong); 90 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 33 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (1 trường hợp tử vong) và 14 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Tính chung 9 tháng năm 2021, cả nước có 47.426 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (16 trường hợp tử vong); 37.733 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (11 trường hợp tử vong); 445 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (6 trường hợp tử vong); 14 trường hợp mắc

<sup>37</sup> Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố đến nay đã triển khai xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy chứng nhận khuyết tật cho gần 3 triệu người khuyết tật. Số người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là trên 1 triệu người, ngoài ra người khuyết tật còn được hỗ trợ y tế, giáo dục, dạy nghề.

<sup>38</sup> Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

<sup>39</sup> Tính đến 17 giờ ngày 26/9/2021 trên thế giới có 232.357,9 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (4.758,7 nghìn trường hợp tử vong).

bệnh viêm màng não do não mô cầu (2 trường hợp tử vong) và 392 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 39 trường hợp dương tính.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/9/2021 là 212.526 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 89.710 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 108.061 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Chín xảy ra 3 vụ với 15 người bị ngộ độc. Tính chung 9 tháng năm 2021, cả nước xảy ra 52 vụ với 1.481 người bị ngộ độc (5 người tử vong).

*e) Về văn hóa, thể thao*

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được các địa phương rất quan tâm và thực hiện. Những chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, cũng như các quy định của pháp luật về di sản văn hóa được tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng các đề án nhằm bảo tồn phát huy văn hóa truyền thống, xây dựng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giúp mỗi người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống. Hoạt động thư viện hướng tới ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại, cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng. Công tác truyền thông hướng dẫn toàn dân tập luyện thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe, phát triển tâm vóc, thể lực phòng chống dịch bệnh được triển khai rộng khắp trên cả nước, tạo ra sự gắn kết xã hội giữa các cá nhân, cá nhân với cộng đồng và xã hội, phát triển môi trường sống lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

Thể thao thành tích cao của Việt Nam đạt được một số kết quả nổi bật: Vận động viên Lê Văn Công xuất sắc giành Huy chương bạc môn cử tạ hạng 49kg tại giải Paralympic Tokyo 2020 (diễn ra từ ngày 24/8/2021-05/9/2021); tại giải Futsal World Cup 2021 (diễn ra từ ngày 12/9/2021), tuyển Futsal Việt Nam đã tạo được những chiến tích vượt qua mong đợi khi ghi bàn trong tất cả các trận đấu của mình. Với màn thể hiện tuyệt vời ở giải đấu này hứa hẹn sẽ là bàn đạp, là động lực để tuyển Futsal Việt Nam tiếp tục tiến lên chinh phục những đỉnh cao, chạm tới những cột mốc đáng tự hào mới trong tương lai.

Công tác chuẩn bị cho 2 Đại hội thể thao lớn là Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) và Đại hội Thể thao Người khuyết tật lần thứ 11 (ASEAN Para Games 11) dự kiến diễn ra vào tháng 12/2021 tại Việt Nam đang tích cực được triển khai trên tinh thần quyết liệt, khẩn trương để mọi khâu tổ chức hoàn thành đúng hạn, đồng thời bảo đảm an toàn tuyệt đối về phòng, chống dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo cảnh quan môi trường.

*g) Về thông tin, truyền thông*

Tập trung thông tin kịp thời các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; thông tin kịp thời, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19, các hoạt động đối ngoại; trong đó, nổi bật trong tháng 9 là tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm 76 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9... Bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề: dân sinh; an toàn thực phẩm; thông tin về tình hình an toàn giao thông, an ninh, trật tự; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội...

Chủ động, tích cực, tập trung, kịp thời truyền thông về diễn biến mới của dịch Covid-19 tại Việt Nam, thế giới và công tác ứng phó với dịch; cập nhật liên tục các phiên họp của Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống dịch; tinh thần quốc tế của Việt Nam trong việc hỗ trợ các nước phòng chống dịch; ảnh hưởng của dịch bệnh đến tình hình phát triển kinh tế; giải pháp của Chính phủ nhằm đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng; phê phán các hành vi trục lợi từ dịch bệnh; xử lý các hành vi chống đối, làm trái quy định trong phòng chống dịch bệnh Covid-19; phản bác, chỉnh lý thông tin sai lệch về dịch bệnh và lợi dụng dịch bệnh để thông tin sai sự thật, xuyên tạc... Thông tin về những tiến bộ đạt được trong điều trị bệnh nhân và nghiên cứu điều chế vắc xin trên thế giới, các nhận định, dự báo của WHO và Liên hợp quốc, những ảnh hưởng đến đời sống người dân và nền kinh tế, những tác động của dịch Covid-19 đến Việt Nam, đến kinh tế khu vực và thế giới... Thông tin về sự đánh giá tích cực của quốc tế về năng lực của Việt Nam và các biện pháp hiệu quả của Chính phủ trong công tác phòng ngừa dịch lây lan, chủ trương của Nhà nước trong việc đặt mua và tiêm chủng vắc-xin phòng ngừa dịch Covid-19.

**(5) Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ**

- *Bảo vệ môi trường*: Trong tháng 9/2021, cơ quan chức năng đã phát hiện 781 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 735 vụ với tổng số tiền phạt 11 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng năm nay đã phát hiện 12.365 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 10.943 vụ với tổng số tiền phạt 191,1 tỷ đồng.

- *Hậu quả do thiên tai*: Thiên tai xảy ra trong tháng (từ ngày 19/8-18/9/2021) chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lớn, bão, hạn hán làm 21 người chết; 26 người bị thương; 17,2 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 10,4 nghìn ha lúa và 7,5 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 78 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và gần 1,7 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 442 tỷ đồng, tăng 117% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay, thiên tai làm 77 người chết và mất tích, 121 người bị thương; 25,2 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 86,1 nghìn ha lúa và 44,9 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 579 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 12,8 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 1.355,2 tỷ đồng, giảm 81,1% so với cùng kỳ năm trước.

- *An toàn giao thông*: Trong tháng Chín và 9 tháng năm 2021, số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông giảm mạnh so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước do nhiều địa phương tiếp tục thực hiện phòng chống dịch Covid-19 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trong tháng (từ 15/8-14/9/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 488 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 326 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 162 vụ va chạm giao thông, làm 254 người chết, 152 người bị thương và 149 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 4,3% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 5% và số vụ va chạm giao thông giảm 3%); số người chết giảm 1,2% và số người bị thương giảm 16% và số người bị thương nhẹ giảm 7,5%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Chín giảm 58,8% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 54% và số vụ va chạm giao thông giảm 66%); số người chết giảm 52,4%; số người bị thương giảm 59,7% và số người bị thương nhẹ giảm 70,5%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 8.135 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 5.237 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.898 vụ va chạm giao thông, làm 4.146 người chết, 2.695 người bị thương và 2.932 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 9 tháng năm nay giảm 21,4% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 12,4%; số vụ va chạm giao thông giảm 33,7%); số người chết giảm 15%; số người bị thương giảm 13,8% và số người bị thương nhẹ giảm 34,6%. Bình quân 1 ngày trong 9 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 30 vụ tai

nạn giao thông, gồm 19 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 11 vụ va chạm giao thông, làm 15 người chết, 10 người bị thương và 11 người bị thương nhẹ.

- *Phòng chống cháy, nổ*: Trong tháng<sup>40</sup>, cả nước xảy ra 162 vụ cháy, nổ, làm 8 người chết và 6 người bị thương, thiệt hại ước tính gần 9 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.770 vụ cháy, nổ, làm 82 người chết và 120 người bị thương, thiệt hại ước tính 343,9 tỷ đồng.

### **(6) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Tổ chức tốt công tác cách ly công dân nhập cảnh, cách ly các đối tượng nguy cơ trong cộng đồng không để lây chéo trong khu cách ly. Triển khai các phương án, kịch bản, sẵn sàng xử lý tình huống phòng, chống dịch theo các cấp độ, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân ở các địa phương. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng giúp đỡ nhân dân phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Điều động lực lượng, trang bị, phương tiện thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch cho nhân dân tại Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam kịp thời, hiệu quả; ban hành kế hoạch đáp ứng từng cấp độ dịch Covid-19, kế hoạch tiêm vắc – xin phòng Covid-19.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, đặc biệt là nghiên cứu sản xuất, thử nghiệm vắc xin Nanocovax. Tham gia các hoạt động của Trung tâm Quân y ASEAN; cử đoàn chuyên gia quân y sang giúp bạn Lào về phòng, chống dịch Covid-19; hỗ trợ vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 cho Lào, Campuchia.

Chủ động, quyết liệt tìm nguồn cung, vận động tài trợ vắc-xin và thuốc điều trị Covid-19, vật tư, trang thiết bị y tế; tìm kiếm các cơ hội hợp tác sản xuất, thử nghiệm, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vắc-xin với các đối tác. Với những nỗ lực vận động mạnh mẽ trong hơn 3 tháng qua, tính đến ngày 18/9/2021, Việt Nam đã nhận được khoảng 50,3 triệu liều vắc-xin từ các nguồn của Covax, viện trợ và mua từ các hãng sản xuất. Đặc biệt kể từ khi Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ Công tác của Chính phủ về ngoại giao vắc-xin, số lượng vắc-xin Việt Nam nhận được đã tăng gấp 2,5 lần so với tổng số vắc-xin nhận được trước tháng 8; trong đó, đã tiếp nhận 19,2 triệu liều vắc-xin hỗ trợ từ 14

<sup>40</sup> Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/9/2021.



quốc gia và COVAX. Dự kiến trong nửa cuối tháng 9 có thể nhận thêm khoảng 26,7 triệu liều<sup>41</sup> từ các nguồn hỗ trợ, mua thương mại và nhượng lại từ các nước.

Bên cạnh vắc-xin, Việt Nam đã vận động được hơn 20 đối tác hỗ trợ các trang thiết bị y tế phục vụ cho nhu cầu cấp bách phòng chống dịch COVID-19 với tổng trị giá lên đến hơn 68 triệu USD<sup>42</sup>.

## 2. Nguyên nhân

Nguyên nhân của kết quả đạt được là sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng, sự ủng hộ, đồng hành của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất với phân công, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện; kế thừa kết quả và kinh nghiệm đạt được; tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức của nhân dân cả nước, hỗ trợ của bạn bè quốc tế.

Tuy nhiên, nước ta vẫn đối mặt với khó khăn, thách thức lớn, chủ yếu do các nguyên nhân sau đây:

- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến nhanh, phức tạp, kéo dài trên diện rộng, ảnh hưởng nặng nề đến các chuỗi sản xuất, tiêu dùng trên cả nước.

- Kinh tế thế giới trong xu hướng phục hồi nhưng chưa đồng đều, thiếu ổn định; tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức; chuỗi cung ứng quốc tế bị đứt gãy; giá cả nguyên, nhiên vật liệu, cước phí vận tải tăng cao; vốn FDI toàn cầu giảm mạnh.

- Năng lực hệ thống y tế, nhất là hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, năng lực sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phòng, chống dịch bệnh khi có tình huống bất ngờ phát sinh.

- Một số cơ quan trung ương, địa phương, cá nhân còn còn lúng túng, bị động, thiếu quyết liệt, chưa nắm chắc tình hình; năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý các cấp còn hạn chế, khi chưa có dịch thì chủ quan, lơ là, khi có dịch thì hoang mang, lo sợ, né tránh, sợ trách nhiệm; việc thực hiện các biện pháp, hướng dẫn của trung ương về phòng, chống dịch, lưu thông hàng hóa, tổ chức an toàn sản xuất chưa nghiêm, thiếu linh hoạt; công tác phối hợp chưa hiệu quả, vướng mắc về thể chế chưa được tháo gỡ kịp thời.

<sup>41</sup> COVAX 2 triệu liều, Mỹ 3,5 triệu liều, AstraZeneca 1,3 triệu liều, Pfizer 2 triệu liều, Vạn Thịnh Phát tài trợ 10 triệu liều, Trung Quốc 2,8 triệu liều, Đức 2,6 triệu liều, Nhật Bản thêm 486.000 liều, Hàn Quốc 1,1 triệu liều, Hungary 100.000 liều..

<sup>42</sup> Bao gồm: 251 tủ lạnh; 676 máy thở các loại; 603 máy tạo ô-xy; hơn 6.404.000 bộ xét nghiệm các loại; hơn 1.275.000 khẩu trang các loại; 13.760.000 bơm kim tiêm; ngoài ra còn có các thiết bị y tế cần thiết khác như bơm điện, máy theo dõi nhịp tim, kính chống giọt bắn, bộ đồ bảo hộ, găng tay, bộ vật tư phòng thí nghiệm...

### 3. Bài học kinh nghiệm

- Càng khó khăn càng phải bình tĩnh, sáng suốt, không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác nhưng cũng không hoang mang, lo sợ, bi quan, mất bản lĩnh. Luôn nắm tình hình để phân tích, dự báo, xây dựng các kịch bản phù hợp, sẵn sàng, chủ động ứng phó với tinh thần “*phòng dịch thường xuyên, sẵn sàng tình huống xấu nhất*”; thống nhất, quyết liệt, xuyên suốt trong chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện từ Trung ương đến cơ sở. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế; bảo đảm mọi nguồn lực cho phòng, chống dịch bệnh.

- Bám sát thực tiễn, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành, tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát; chú trọng nâng cao năng lực cán bộ các cấp; thúc đẩy cải cách, đổi mới tư duy phát triển, nâng cao tính chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì mục tiêu chung.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn nữa trong thực thi chính sách; thường xuyên tổng kết, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh. Chủ động thông tin về tình hình kinh tế-xã hội, công tác phòng, chống dịch, củng cố niềm tin trong nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội.

- Đầu tư thỏa đáng để nâng cao năng lực và tăng cường công tác y tế dự phòng, nhất là ở cấp cơ sở. Xây dựng và thực hiện thiết thực, hiệu quả kế hoạch trang bị kiến thức, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng phòng, chống, tự bảo vệ mình của người dân trước thiên tai, dịch bệnh.

- Nâng cao năng lực quản trị xã hội, quản lý nhà nước và xử lý tình huống của cán bộ các cấp, nhất là ở cấp cơ sở, bảo đảm ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống đột xuất, bất ngờ có thể xảy ra. Khơi dậy, phát huy và dựa vào sức mạnh của người dân, hệ thống chính trị cơ sở trong tổ chức thực hiện.

*Nhìn chung, tình hình kinh tế- xã hội 9 tháng cơ bản ổn định, đạt được một số kết quả tích cực; dịch bệnh dần được kiểm soát, từ cuối tháng 9 các địa phương bắt đầu nới lỏng giãn cách xã hội, mở cửa lại nền kinh tế theo lộ trình thích ứng với trạng thái “bình thường mới”. Tuy nhiên, tình hình kinh tế- xã hội trong quý III tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do dịch bệnh kéo dài. GDP quý III giảm 6,17% so với cùng kỳ, tiềm ẩn một số rủi ro đối với ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn trong cả ngắn và dài hạn. Áp lực khôi phục sản xuất, kinh doanh những tháng cuối năm là rất lớn. Phòng, chống, kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 vẫn là yếu tố quyết định cho tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm; nhiệm vụ những tháng cuối năm là hết sức nặng nề, yêu cầu các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm, thống nhất quan điểm “thích*

ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19” để vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa khôi phục và thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

### III. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

#### 1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực

Diễn biến đại dịch Covid-19 trên toàn cầu có dấu hiệu suy giảm sau khi đạt đỉnh vào giữa tháng 8. Tính đến ngày 18/9/2021, số ca nhiễm toàn cầu khoảng 228 triệu ca với 4,68 triệu ca tử vong, tâm dịch vẫn chủ yếu ở các nước đang phát triển có quy mô dân số lớn và tỷ lệ tiêm vắc xin chưa cao như Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Braxin, các nước Đông Nam Á... cũng như một số nước phát triển đã đạt tỉ lệ tiêm vắc xin cao như Mỹ (63% dân số, trong đó 54% dân số tiêm đủ 2 mũi), Anh (71% dân số, trong đó 61% dân số tiêm đủ 2 mũi).<sup>43</sup> Tuy nhiên, dự báo một đợt bùng phát mới có thể sẽ xảy ra vào cuối năm khi các nền kinh tế mở cửa trở lại, tạo môi trường cho virus phát tán trong điều kiện khí hậu lạnh ở các môi trường công cộng như lớp học, nơi làm việc, các phương tiện giao thông công cộng.

*Trong những tháng cuối năm, trước bối cảnh tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp với các biến thể của virus Covid-19, kinh tế thế giới tiếp tục trên đà phục hồi nhờ sự dẫn dắt của các nền kinh tế lớn.* Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) vào tháng 7 dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 6,0% năm 2021 (không thay đổi so với dự báo trước đó vào tháng 4/2021, nhưng có những điều chỉnh tăng tại các quốc gia đang phát triển như Mỹ, Eurozone, Anh, Canada... và điều chỉnh giảm ở một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển). Ngân hàng Thế giới (WB) vào tháng 6 đưa ra mức dự báo 5,6% trên cơ sở sự phục hồi mạnh mẽ từ một số nền kinh tế lớn đặc biệt là Mỹ (phản ánh hiệu quả từ các biện pháp hỗ trợ tài khóa quy mô lớn và việc nới lỏng các quy định hạn chế sau đại dịch). Tuy nhiên, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển sẽ vẫn tiếp tục gặp khó khăn trước những ảnh hưởng của đại dịch. WB cũng đưa ra cảnh báo rằng bất chấp sự phục hồi, sản lượng toàn cầu sẽ thấp hơn khoảng 2% so với dự báo trước đại dịch vào

*Chỉ số PMI toàn cầu liên tục tăng trong các tháng đầu năm với sự dẫn dắt của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, ... khi các quốc gia này hoàn thành tiến độ tiêm chủng nhanh và kinh tế dần phục hồi.* Tuy nhiên, biến thể mới của virus Covid-19 đã khiến xu hướng phục hồi kinh tế thế giới chậm dần. Chỉ số PMI, mặc dù vẫn trên 50 điểm thể hiện xu hướng mở rộng sản xuất, nhưng bắt đầu giảm dần từ tháng 6/2021.

*Kinh tế Mỹ tiếp tục tăng trưởng nhưng áp lực nợ công và tỷ lệ lạm phát tiếp tục tăng cao.* Chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 8 của Mỹ tăng 5,9% so cùng kỳ năm 2020, tốc độ tăng trưởng có dấu hiệu chậm dần. Chỉ số quản trị mua hàng PMI ngành

<sup>43</sup> Mức trung bình của thế giới là 43% dân số thế giới tiêm 1 mũi vaccine và 31% dân số thế giới tiêm đủ 2 mũi vaccine.

công nghiệp của Mỹ đã bắt đầu hạ nhiệt, trong tháng 8 đạt 61,1 điểm, mặc dù thấp hơn các tháng trước đó nhưng vẫn đạt trên 50 điểm cho thấy hoạt động sản xuất vẫn tiếp tục được mở rộng. Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa trong tháng 8 tiếp tục tăng 15,1% so với cùng kỳ cho thấy hoạt động tiêu dùng diễn biến tích cực. Tuy nhiên, số việc làm mới được tạo ra trong tháng 8 chỉ đạt 374 nghìn việc làm. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Mỹ đạt 61,7% - mức kỷ lục kể từ khi sụt giảm sâu còn 60,2% trong tháng 4/2020. Bên cạnh các dấu hiệu lạc quan của nền kinh tế, Chính phủ Mỹ đang phải cân nhắc về khoản nợ công khổng lồ cũng như tỷ lệ lạm phát tiếp tục đạt các mốc kỷ lục mới trong bối cảnh Chính phủ nước này tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các chương trình kích thích tài khoá. Lạm phát của Mỹ trong tháng 7 tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục giữ mức cao kể từ năm 2008 đến nay.

*Kinh tế Trung Quốc* về cơ bản tiếp tục xu thế hồi phục hậu đại dịch, tăng trưởng 12,7% trong nửa đầu năm 2021 giúp đảm bảo mục tiêu tăng trưởng cả năm trên 6%, song đối mặt với nhiều thách thức. Chỉ số PMI tháng 8 đạt mức 50,1, vẫn nằm trên mức 50, cho thấy hoạt động sản xuất và dịch vụ vẫn đang tiếp tục mở rộng nhưng có xu hướng suy giảm và tiệm cận ranh giới suy giảm. Sản lượng công nghiệp tăng 5,3% so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng ở mức kỷ lục 25,6% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu thế giới tăng mạnh. Tuy nhiên, việc chuyển đổi chính sách quản lý kinh tế đang đưa tới những thay đổi lớn cho phát triển kinh tế ở Trung Quốc. Siết chặt quản lý kinh tế hướng tới “thịnh vượng chung” đang được đẩy mạnh, với trọng tâm siết chặt bao gồm các ngành sản xuất gây ô nhiễm, bất động sản, cho đến lĩnh vực công nghệ tiêu dùng, giáo dục tư nhân, giải trí... Chủ trương zero-Covid nhằm đối phó với đại dịch cũng buộc Trung Quốc đặt ra các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt đối với các ổ dịch mới xuất hiện. Trong bối cảnh đó, nhu cầu nội địa tiếp tục suy yếu, doanh số bán lẻ chỉ tăng trưởng 2,5% so với cùng kỳ vào tháng 8.

*Khu vực EU* tiếp tục cho thấy những dấu hiệu phục hồi tích cực khi các quốc gia nới lỏng nhiều biện pháp hạn chế nhằm ngăn chặn đại dịch Covid-19 và sự hỗ trợ liên tục của các Chính phủ. Trong quý II/2021, kinh tế khu vực đồng Euro đã tăng trưởng 2,0%, vượt qua kỳ vọng của thị trường về mức tăng trưởng 1,5%. Tốc độ tăng trưởng của Liên minh châu Âu cũng tăng từ -0,1% trong quý I lên 1,9% trong quý II/2021. Ngày 9/9, Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực Eurozone lên 5% trong năm 2021 (cao hơn so với mức 4,6% đưa ra trong dự báo trước đó). Trong số các nền kinh tế lớn nhất khối, Đức, Pháp và Tây Ban Nha đã trở lại mức tăng trưởng dương và tốc độ mở rộng được ghi nhận ở Ý. Mặc dù tỷ lệ lạm phát của khu vực đồng Euro vẫn duy trì ở mức cao, mức lạm phát này vẫn được đánh giá mang tính chất tạm thời do các yếu tố liên quan đến đại dịch. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, sự xuất hiện của biến thể Delta vẫn là một yếu tố tiềm ẩn, đe dọa triển vọng phục hồi kinh tế của khu vực này.

*Kinh tế Nhật Bản* tăng trưởng trở lại trong quý II/2021 nhưng phục hồi chậm lại trong quý III do sự tái bùng phát của dịch bệnh Covid-19. Trong quý II/2021, tổng

sản phẩm quốc nội của Nhật Bản tăng 1,3% so với cùng kì năm ngoái và tăng 0,3% so với quý trước đó. Tuy nhiên, dịch bệnh tái bùng phát tại Nhật Bản đang tác động không nhỏ tới các chuỗi cung ứng quan trọng của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là chuỗi cung ứng của các hãng chế tạo ô tô. Chỉ số PMI ngành sản xuất giảm nhẹ từ 53 điểm (tháng 7) xuống còn 52,7 điểm (tháng 8). Chỉ số PMI ngành dịch vụ tiếp tục ghi nhận sự suy giảm liên tiếp và đạt 42,9 điểm trong tháng 8. Nguyên nhân được cho là việc ban bố tình trạng khẩn cấp khiến các hoạt động dịch vụ chịu nhiều hạn chế, ảnh hưởng tiêu cực tới chi tiêu tiêu dùng. Trong thời gian đại dịch, sản lượng sản xuất bị cắt giảm mạnh và chi tiêu tiêu dùng của người dân cũng gặp nhiều khó khăn, trong khi đây là hai động lực tăng trưởng kinh tế chính của nước này. Theo đó, nền kinh tế lớn thứ ba thế giới được dự báo tăng trưởng âm trong Quý III/2021.

*Các quốc gia Đông Nam Á rơi vào khó khăn khi biến chủng virus Delta tăng nhanh và triển khai chiến dịch tiêm chủng còn chậm.* Quỹ Tiền tệ quốc tế ngày 27/7 đã hạ dự báo tăng trưởng của các quốc gia Đông Nam Á xuống mức trung bình là 1,8%. Nhóm 5 nền kinh tế đang phát triển lớn nhất trong khu vực - gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam bị cắt giảm 0,6 điểm phần trăm, còn 4,3%. Các nước Đông Nam Á này đang trở thành tâm dịch mới của đại dịch Covid-19, buộc các nước trong khu vực phải áp các biện pháp hạn chế đi lại và phong tỏa để chống dịch, đồng nghĩa đặt ra trở ngại lớn đối với tăng trưởng kinh tế. Chỉ số PMI tháng 8 tại khu vực ASEAN giảm về mức thấp trong 14 tháng (44,5). PMI của tất cả các nước trong khu vực đều dưới ngưỡng 50 điểm, cho thấy xu hướng thu hẹp sản xuất. Diễn biến dịch bệnh còn phức tạp được cho là nguyên nhân khiến hoạt động sản xuất bị sụt giảm nghiêm trọng khi cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm.

*Thương mại toàn cầu cũng tăng nhanh trong bối cảnh nhu cầu sản xuất và tiêu dùng phục hồi.* Trong quý I/2021, giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu đã tăng khoảng 4% so với quý trước và tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, giá trị này đã cao hơn mức trước đại dịch Covid-19, tương đương mức tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm 2019. IMF trong tháng 7/2021 đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu lên 9,7% trong năm 2021 và 7% trong năm 2022. Theo đó, sự phục hồi thương mại hàng hóa chủ yếu là nhờ các mặt hàng liên quan đến dịch bệnh, hàng hóa tiêu dùng bền lâu và trang thiết bị y tế. Thương mại dịch vụ được dự báo sẽ phục hồi với tốc độ chậm hơn do những hạn chế trong du lịch quốc tế.

*Triển vọng đầu tư trên toàn cầu trong xu hướng tăng và có xu hướng chuyển dịch sang khu vực Châu Á.* Bất chấp những thách thức của bối cảnh đầu tư “hậu đại dịch”, cuộc khảo sát của các quan chức điều hành và cấp cao từ 100 cơ quan xúc tiến đầu tư của hơn 70 quốc gia cho thấy: 53% người được hỏi kỳ vọng dòng vốn FDI vào lãnh thổ của họ sẽ tăng vào năm 2021; chỉ có 18% dự đoán FDI trong nước sẽ giảm và 4% dự báo sẽ giảm đáng kể - cải thiện hơn so với cuộc khảo sát tương tự vào tháng

4/2020<sup>44</sup>. Tuy nhiên, sự phục hồi chưa thực sự chắc chắn. Theo báo cáo, chỉ 49% các IPA tham gia dự đoán dòng vốn FDI toàn cầu sẽ tăng vào năm 2021 – điều đó chứng tỏ rằng, mặc dù niềm tin trong nước ngày càng tăng song vẫn tồn tại những thách thức trong thu hút FDI trong bối cảnh hiện nay. Đánh giá của UNCTAD (6/2021)<sup>45</sup>, dòng vốn FDI toàn cầu sẽ chạm đáy trong năm 2021 và phục hồi một phần với mức tăng khoảng 10-15%. Trong đó, xu hướng dòng vốn chuyển sang khu vực châu Á tăng 4%, khiến khu vực này chiếm một nửa tổng vốn FDI toàn cầu vào năm 2020. Nguồn vốn FDI vào các nền kinh tế đang chuyển đổi giảm 58%. Đại dịch Covid-19 tiếp tục làm suy giảm nguồn vốn FDI ở các nền kinh tế có cơ cấu yếu và dễ bị tổn thương.

*Giá cả thế giới có xu hướng tăng trở lại. Theo Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ, giá dầu thế giới tăng trở lại trong tháng 9 với giá dầu WTI tăng lên mức 69 USD/thùng trong tháng 9, 10 và 11, và 67 USD/thùng vào tháng 12/2021, so với mức trung bình 65 USD/ thùng trong tháng 8; Giá dầu Brent tháng 9, 10 và 11/2021 dao động ở mức 72 USD/ thùng và giảm nhẹ xuống mức 70 USD/thùng vào tháng 12/2021, so với mức dưới 68 USD/thùng trong tháng 8/2021. Trong khi đó, nhu cầu dầu mỏ trên thế giới đang cho thấy sự chững lại khi nhiều thành phố lớn ở các nền kinh tế trọng điểm phải đối mặt với các đợt bùng dịch phức tạp từ những biến thể mới của Covid-19. Các tổ chức lớn như IEA, OPEC đều hạ mức dự đoán nhu cầu dầu mỏ trong nửa cuối năm 2021 xuống 5% so với dự báo ban đầu. Giá thép có dấu hiệu tăng sau khi Trung Quốc buộc cắt giảm sản lượng do ảnh hưởng từ ô nhiễm môi trường và cuộc đảo chính ở Guinea – nhà cung cấp bauxit quan trọng trên thế giới. Giá cước vận tải biển tăng cao, do tình trạng thiếu container và tắc nghẽn tại các cảng trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng của người dân cao. Tính đến giữa tháng 8, tình hình thiếu container rộng đã hạ nhiệt nhưng giá cước tiếp tục tăng, đặc biệt là thị trường Mỹ. Giá cước vận chuyển biển đến Mỹ đã tăng khoảng 10 lần, từ 2.000-3.000 USD lên mốc 20.000 USD/container 40 feet so với thời điểm đầu năm 2020. Dự báo giá cước vận tải biển sẽ tiếp tục tăng do chuỗi cung ứng toàn cầu bị tắc nghẽn. Giá lương thực thế giới tăng sau hai tháng giảm liên tiếp. Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO), chỉ số giá thực phẩm thế giới (FFPI) tháng 8/2021 đạt trung bình 127,4 điểm, tăng 3,9 điểm (3,1%) so với tháng 7/2021 và tăng 31,5 điểm (32,9%) so với cùng kỳ năm 2020, do mức tăng mạnh của giá đường, dầu thực vật và ngũ cốc. Trong khi đó, nhu cầu lương thực, thực phẩm tiếp tục tăng cao. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn*

<sup>44</sup> Kết quả của cuộc khảo sát tương tự (tháng 4/2020) cho thấy 44% IPA dự đoán dòng vốn FDI trong nước sẽ giảm vào năm 2020 - <https://www.fdiintelligence.com/article/80026>

<sup>45</sup> <https://unctad.org/webflyer/world-investment-report-2021>

cầu niên vụ 2021/22 sẽ ở mức kỷ lục 507,5 triệu tấn (xay xát), tăng 1,4 triệu tấn so với dự báo trước đó và cũng cao hơn 1,6 triệu tấn so với niên vụ trước đó. Lượng gạo tiêu thụ và thất thoát trên toàn cầu trong năm 2021/22 dự kiến đạt mức kỷ lục 514,3 triệu tấn, tăng 0,3 triệu tấn so với dự báo tháng 7 và cũng tăng 7,6 triệu tấn so với niên vụ trước.

Như vậy có thể nhận thấy, kinh tế thế giới hiện tại vẫn còn phải đối mặt với diễn biến phức tạp của dịch bệnh nhưng đang trong xu hướng dần hồi phục trong tình trạng sống chung với dịch bệnh. Mặc dù tăng trưởng kinh tế còn khác nhau ở các khu vực kinh tế, nhưng những đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam hiện đang ở trạng thái phục hồi, có thể mang lại những cơ hội đối với thương mại và đầu tư cho Việt Nam. Dòng vốn toàn cầu hồi phục và tăng ở khu vực châu Á vẫn tiếp tục khẳng định tính năng động của khu vực này và cơ hội đầu tư và mở rộng trong khu vực.

## **2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước**

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và ảnh hưởng lan rộng trong nửa đầu tháng 9/2021. Nửa cuối tháng 9/2021, mặc dù còn nhiều diễn biến phức tạp, nhưng về cơ bản, đại dịch Covid-19 đã dần được kiểm soát, nhiều địa phương đã có những chuyển biến tích cực trong cuộc chiến chống dịch Covid-19. Nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ nhằm đẩy nhanh tốc độ tiếp cận vaccine thông qua các nguồn như tài trợ, tặng, mua, chuyển giao công nghệ sản xuất, nghiên cứu và sản xuất trong nước... được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong tháng 9/2021.

Tư duy chống dịch chuyển hướng sang cách ly ở quy mô hẹp nhất, sống chung với virus một cách an toàn, đẩy nhanh tiêm vắc-xin, tuân thủ nghiêm 5K, chủ động tích cực hơn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu trong phòng chống dịch. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19. Mục tiêu của Nghị quyết là tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch Covid-19; đồng thời hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, sớm đưa đất nước trở lại trạng thái bình thường mới.

Trước những diễn biến của đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam, một số tổ chức quốc tế đã điều chỉnh mức dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 thấp hơn so với những mức dự báo trước đó: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng đạt 3,8%, giảm so với mức 6,7% trước đó, Báo cáo Dự báo Kinh tế toàn cầu của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ

Wales và Hãng tư vấn Oxford Economics dự báo tăng trưởng đạt 5,4%, giảm so với mức 7,6% trước đó. Ngân hàng Thế giới (WB) trong báo cáo ngày 28/9/2021 giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng 4,8% được công bố 1 tháng trước, dựa trên giả định Việt Nam kiểm soát được lây nhiễm Covid-19 vào cuối quý III để nền kinh tế bật lại trong quý IV; kinh tế toàn cầu duy trì đà hồi phục, đảm bảo nhu cầu mạnh mẽ với hàng xuất khẩu của Việt Nam ở những thị trường chủ lực như Mỹ, châu Âu, Trung Quốc. Tuy nhiên, các tổ chức này đều lạc quan về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong trung và dài hạn, theo đó dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi từ năm 2022 trở đi.

Theo đánh giá của các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, tình trạng giãn cách kéo dài phục vụ cho việc chống dịch Covid-19 tuy có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp FDI, nhưng điều này là bất khả kháng và đặt trong bối cảnh nhiều quốc gia tại châu Á cũng đang vật lộn với đại dịch. Theo khảo sát của EuroCham, 18% các doanh nghiệp trong ngành sản xuất đã chuyển dịch một phần nhu cầu sản xuất/đơn hàng sang các nước khác. Bên cạnh đó, 16% doanh nghiệp cũng đang cân nhắc chuyển dịch sản xuất, tuy vậy, đây cũng chỉ là chuyển các đơn đặt hàng và là quyết định tạm thời của các doanh nghiệp, và ít có khả năng xuất hiện làn sóng các doanh nghiệp rời bỏ Việt Nam.

Các doanh nghiệp đang gặp rút xây dựng kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức như thiếu “lao động xanh”; chi phí đầu vào, chi phí vận chuyển ngày một tăng cao dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, đội chi phí giá thành sản xuất; chi phí liên quan đến tăng cường y tế tại chỗ, phòng, chống dịch.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam những tháng cuối năm vẫn phụ thuộc lớn vào thời điểm kiểm soát dịch bệnh. Tốc độ tăng trưởng GDP sẽ phụ thuộc vào thời điểm dịch bệnh có thể được khống chế, đặc biệt là tại các thành phố lớn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương kinh tế bắt đầu sản xuất trở lại hồi phục trong quý IV/2021 hoặc trong tình huống xấu hơn. Tuy nhiên, nếu bệnh dịch tiếp tục bùng phát và làm gián đoạn các khâu sản xuất tiêu thụ những tháng còn lại của năm như trong quý III/2021, tăng trưởng kinh tế có thể ở mức thấp hơn.

Về ổn định vĩ mô, hiện tại lạm phát ở mức khống chế thấp, tác động của việc tăng giá và lạm phát thế giới đến tăng trưởng kinh tế và lạm phát chưa nhiều. Nhiều dịch vụ công trong nước đang được nhà nước hỗ trợ như học phí, tiền điện, nước nhằm giảm bớt khó khăn cho người dân. Thêm vào đó, tiêu dùng đang trong xu hướng giảm do nguồn cung hàng hóa hạn chế và thu nhập người



dân giảm sút. Vì thế, chỉ số giá tiêu dùng trong quý IV/2021 nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức thấp.

#### **IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NHỮNG THÁNG CÒN LẠI NĂM 2021**

Đến thời điểm hiện tại, tình hình kiểm soát dịch Covid-19 đã cho thấy những tín hiệu khả quan trên phạm vi toàn quốc. Số ca lây nhiễm và tử vong hàng ngày có xu hướng giảm dần, tiêm chủng vắc-xin được đẩy mạnh và đạt tỷ lệ bao phủ tiêm mũi 1 cao, một số địa phương lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... cơ bản đã hoàn thành tiêm mũi 1 cho toàn bộ người dân trên 18 tuổi. Những diễn biến đó đã tạo điều kiện cho việc nới lỏng các biện pháp giãn cách ở một số địa phương, tạo tiền đề để mở cửa lại nền kinh tế và thích ứng, dần chuyển sang trạng thái bình thường mới.

Trong thời gian tới, các cấp, các ngành, các địa phương không được lơ là, chủ quan, cần tiếp tục đề cao trách nhiệm, bám sát tình hình, chủ động, tiếp tục tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022; Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp và các nghị quyết chuyên đề của Chính phủ. Trong bối cảnh nhiều tỉnh, thành phố đang xây dựng lộ trình để sớm quay trở lại trạng thái bình thường mới, cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

**1.** Chủ động theo dõi, dự báo sát tình hình quốc tế, trong nước, quyết liệt hành động, triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra theo các nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Sử dụng linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các công cụ chính sách tiền tệ, tài khóa để vừa giữ vững ổn định vĩ mô, vừa góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh; hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp cơ cấu lại nợ vay và phân đấu giảm lãi suất cho vay.

**2. Tập trung, ưu tiên toàn lực cho phòng, chống dịch Covid-19, nỗ lực cao nhất để kiểm soát dịch bệnh, ngăn chặn, không để dịch tái phát, lan rộng, nhất là các địa bàn đặc biệt quan trọng, các khu đô thị lớn, khu công nghiệp**

- Khẩn trương hoàn thiện và triển khai hiệu quả Chiến lược tổng thể về phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; chủ động dự báo, hoàn thiện các kịch bản, phương án phòng, chống dịch phù hợp với tình hình mới; tận dụng thời điểm, khí thế tấn công hiện nay để cổ vũ, động viên nhân dân thực hiện hiệu quả các biện pháp chống dịch với phương châm nhân dân vừa là trung tâm, vừa là chủ thể trong phòng, chống dịch. Sớm ban hành lộ trình nói lỏng, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, mở cửa lại nền kinh tế. Tùy thuộc vào độ bao phủ vắc-xin, năng lực hệ thống y tế, diễn biến dịch bệnh ở từng địa phương và tại các doanh nghiệp, có giải pháp phù hợp theo phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả với dịch Covid-19”.

- Đẩy mạnh đàm phán, mua vắc-xin và thuốc điều trị Covid-19; hỗ trợ, thúc đẩy nhanh chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, thuốc điều trị trong nước; triển khai nhanh nhất và nâng cao tỷ lệ tiêm vắc xin đối với cả mũi 1 và mũi 2, nghiên cứu phương án tiêm mũi tăng cường và tiêm cho trẻ em.

- Khẩn trương cập nhật thông tin, vận hành đồng bộ nền tảng dữ liệu liên thông về phòng, chống dịch bệnh (PC-Covid), tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, lực lượng chức năng.

**3. Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sớm ổn định sản xuất và phục hồi trong những tháng cuối năm**

- Thực hiện nhanh, hiệu quả, kịp thời Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động từ nguồn Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP; tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh, đề xuất phương án hỗ trợ phù hợp.

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị quyết 105/NQ-CP; nhanh chóng nắm bắt, kịp thời ban hành giải pháp có trọng tâm, trọng điểm xử lý, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

- Trong tuần đầu tháng 10/2021, hoàn thành, báo cáo cấp có thẩm quyền Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế<sup>46</sup>.

- Các Bộ, ngành, địa phương phải thành lập và đưa vào hoạt động hiệu quả Tổ công tác của cơ quan mình, tập trung tháo gỡ khó khăn, giải quyết các

<sup>46</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư

vướng mắc, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**4. Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát giá cả, thị trường, bảo đảm cung ứng, lưu thông hàng hóa và các cân đối lớn của nền kinh tế; thúc đẩy thương mại, xuất nhập khẩu bền vững**

- Sử dụng linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các công cụ tiền tệ, tài khóa để giữ vững ổn định vĩ mô, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, trong đó hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp cơ cấu lại nợ vay và phân đấu giảm lãi suất cho vay<sup>47</sup>. Thực hiện quyết liệt quy định về tiết kiệm, cắt giảm chi thường xuyên; chủ động phương án huy động nguồn lực để đáp ứng kịp thời nhu cầu chi phòng, chống dịch, hỗ trợ người dân, nền kinh tế, khắc phục hậu quả, cứu trợ thiên tai, bão lũ<sup>48</sup>.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, phân cấp trong quản lý thị trường, xử lý nghiêm hành vi thao túng giá nguyên vật liệu trái quy định<sup>49</sup>; sử dụng linh hoạt, hiệu quả công cụ Quỹ Bình ổn và điều hành giá xăng dầu hợp lý.

- Phát huy tối đa cơ hội thị trường từ các FTA đã ký kết, nhất là các thị trường lớn, đang phục hồi tốt là Mỹ và EU, đồng thời tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước; tháo gỡ ách tắc, sớm khắc phục "thẻ vàng" (IUU) của ngành thủy sản hướng tới "Chiến lược phát triển ngành thủy sản có trách nhiệm"<sup>50</sup>; khẩn trương thực hiện Kế hoạch hướng dẫn tạm thời tổ chức hoạt động vận tải hành khách, sớm khôi phục hoạt động vận chuyên hành khách thích ứng an toàn với dịch bệnh<sup>51</sup>; xây dựng phương án tổ chức cho người lao động quay trở lại làm việc tại các đô thị lớn, khu công nghiệp<sup>52</sup>.

**5. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, thu hút FDI; hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước**

- Quyết liệt triển khai Nghị quyết số 63/NQ-CP, Nghị quyết số 105/NQ-CP nhằm tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao thông trọng điểm, hạ tầng nền tảng số quốc gia dùng chung; khẩn trương xây dựng kế hoạch đầu tư công năm

<sup>47</sup> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

<sup>48</sup> Bộ Tài chính chủ trì.

<sup>49</sup> Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

<sup>50</sup> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

<sup>51</sup> Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các tỉnh, thành phố.

<sup>52</sup> Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các tỉnh, thành phố.

2022; kịp thời có phương án bảo đảm an toàn và tiến độ thi công công trình trong mùa thiên tai, mưa lũ cuối năm.

- Chủ động phương án tạo mặt bằng sạch, nguồn cung lao động và hạ tầng kết nối để thu hút đầu tư các dự án FDI lớn; theo dõi, tháo gỡ kịp thời vướng mắc của doanh nghiệp FDI; tăng cường xúc tiến đầu tư tại chỗ, trực tuyến.

- Thực hiện tốt Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 của Quốc hội; tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, trong đó đề xuất Quốc hội xem xét dự án một Luật sửa 10 Luật; Chính phủ, các bộ, ngành kịp thời sửa đổi các Nghị định, Thông tư theo thẩm quyền.

- Khẩn trương hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan; đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp tục hoàn thiện thể chế liên kết vùng.

**6. Chăm lo sức khỏe, đời sống của người dân, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục**

- Tập trung chuẩn bị tổ chức Hội nghị văn hóa toàn quốc trong tháng 11; các sự kiện văn hóa đối ngoại, quảng bá văn hóa Việt Nam tại nước ngoài.

- Bảo đảm lương thực, thực phẩm và các dịch vụ thiết yếu, dịch vụ y tế, an sinh xã hội cho người dân; chuẩn bị sẵn sàng phương án và tổ chức thực hiện hiệu quả việc khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ và cứu trợ người dân<sup>53</sup>.

- Triển khai tốt Chương trình “Sóng và máy tính cho em”<sup>54</sup>; hỗ trợ cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; tổ chức dạy và học an toàn dịch bệnh, từ ngày 01/10/2021 cho phép học sinh trở lại trường học bình thường ở những nơi kiểm soát được dịch bệnh, bảo đảm an toàn.

**7. Thực hiện tốt Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 của Quốc hội; tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực cho phát triển, trong đó đề xuất Quốc hội xem xét dự án một Luật sửa 10 Luật. Chính phủ, các bộ, ngành kịp thời sửa đổi các Nghị định, Thông tư theo thẩm quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.**

**8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền**

<sup>53</sup> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

<sup>54</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình, triển khai các phương án, kế hoạch ứng phó với các tình huống phát sinh về an ninh trật tự, nhất là tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, nơi tập trung đông công nhân. Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm hình sự, tội phạm chống người thi hành công vụ, tội phạm lợi dụng dịch bệnh Covid-19 để phạm tội. Triển khai lực lượng kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, hướng dẫn phân luồng giao thông bảo đảm vận chuyển, lưu thông hàng hóa phục hồi phát triển kinh tế. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân, chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả trong mùa mưa, bão.

- Triển khai quyết liệt “ngoại giao vắc-xin”; thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác phòng chống dịch Covid-19, tạo không khí thi đua, lao động sản xuất, phát triển kinh tế- xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ./.

**BỘ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TTgCP và các Phó TTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ (bản điện tử);
- Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- Lưu: VT, Vụ TH (1b).

**Nguyễn Chí Dũng**

**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2021**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
<b>1. TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)</b>					
<b>Tốc độ tăng GDP</b>					<b>101,42</b>
<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	%				<b>102,74</b>
<b>Công nghiệp và xây dựng</b>	%				<b>103,57</b>
Công nghiệp	%				96,50
Xây dựng	%				88,59
<b>Dịch vụ</b>	%				<b>99,31</b>
<b>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</b>					<b>100,98</b>
<b>GDP theo giá hiện hành</b>	Ngìn tỷ đồng		<b>5.985,244</b>		
<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	Ngìn tỷ đồng		<b>765,140</b>		
<b>Công nghiệp và xây dựng</b>	Ngìn tỷ đồng		<b>2.276,166</b>		
Công nghiệp	Ngìn tỷ đồng		1.942,851		
Xây dựng	Ngìn tỷ đồng		333,315		
<b>Dịch vụ</b>	Ngìn tỷ đồng		<b>2.405,609</b>		
<b>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</b>	Ngìn tỷ đồng		<b>538,329</b>		
<b>Cơ cấu GDP</b>					
<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	%		<b>12,79</b>		
<b>Công nghiệp và xây dựng</b>	%		<b>38,03</b>		
Công nghiệp	%		32,46		
Xây dựng	%		5,57		

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
<b>Dịch vụ</b>	%		<b>40,19</b>		
<b>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</b>			<b>8,99</b>		
<b>2. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>					
<b>Thu hoạch lúa Hè Thu</b>	<b>Ngìn ha</b>		<b>1.643,8</b>		<b>101,5</b>
Trong đó: Đồng bằng sông Cửu Long	Ngìn ha		1.364,3		100,9
<b>Gieo cấy lúa mùa</b>	<b>Ngìn ha</b>		<b>1.577,4</b>		<b>99,8</b>
Trong đó: Miền Bắc	Ngìn ha		1.040,9		99,0
Miền Nam	Ngìn ha		536,5		101,4
<b>Gieo trồng màu lương thực</b>					
Ngô	Ngìn ha		876,3		98,4
Khoai lang	Ngìn ha		90,0		89,2
Đậu tương	Ngìn ha		171,3		98,2
Lạc	Ngìn ha		37,2		90,9
Gieo trồng rau, đậu	Ngìn ha		997,8		100,5
<b>3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>					
<b>Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành</b>	%			94,5	104,1
Công nghiệp khai khoáng	%			92,9	93,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	%			95,1	105,5
Sản xuất và phân phối điện	%			90,4	104,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%			98,0	103,6
<b>Một số sản phẩm chủ yếu</b>					
Than đá (than sạch)	Ngìn tấn	4.354,2	38.232,3	132,5	102,6

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Dầu mỏ thô khai thác	Nghìn tấn	723,1	6.827,1	96,9	94,0
Khí đốt thiên nhiên dạng khí	Triệu m <sup>3</sup>	402,7	5.822,7	57,5	82,4
Khí hoá lỏng (LPG)	Nghìn tấn	56,3	648,0	236,0	115,7
Xăng, dầu	Nghìn tấn	1.018,7	16.830,1	152,8	116,1
Alumin	Nghìn tấn	121,3	1.065,8	104,7	103,3
Thuỷ hải sản chế biến	Nghìn tấn	182,5	1.957,4	70,1	91,2
Sữa tươi	Triệu lít	153,3	1.263,4	101,9	102,7
Sữa bột	Nghìn tấn	12,0	109,5	93,0	110,3
Đường kính	Nghìn tấn	25,0	765,0	154,0	91,7
Bột ngọt	Nghìn tấn	28,7	250,8	98,3	95,1
Thức ăn cho gia súc	Nghìn tấn	1.049,5	9.203,0	107,4	108,9
Thức ăn cho thủy sản	Nghìn tấn	416,3	4.221,6	75,1	92,8
Bia	Triệu lít	246,6	2.895,1	60,8	91,3
Thuốc lá điếu	Triệu bao	438,5	4.203,9	87,3	96,9
Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m <sup>2</sup>	54,7	501,5	88,3	103,9
Vải dệt từ sợi tổng hợp	Triệu m <sup>2</sup>	83,5	860,4	101,3	104,9



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Quần áo mặc thường	Triệu đôi	364,0	3.411,2	90,5	104,5
Giày, dép da	Nghìn tấn	25,7	242,8	84,9	109,4
Phân U rê	Nghìn tấn	214,2	1.827,8	116,4	99,8
Phân hỗn hợp N.P.K	Nghìn tấn	234,4	2.292,0	91,4	109,2
Sơn hoá học	Triệu tấn	65,4	664,6	78,6	98,6
Xi măng	Nghìn tấn	7,6	73,9	92,8	102,7
Sắt, thép thô	Nghìn tấn	2.058,9	19.261,0	99,2	112,4
Thép cán	Nghìn tấn	752,5	6.809,5	115,2	143,3
Thép thanh, thép góc	Triệu cái	846,7	7.334,4	103,1	102,6
Điện thoại di động	Triệu cái	19,8	168,1	92,5	108,2
Linh kiện điện thoại	Nghìn tỷ đồng	75,0	395,6	138,8	143,6
Tivi	Nghìn cái	404,9	8.434,6	19,5	64,1
Ô tô	Nghìn chiếc	19,0	215,2	77,0	118,6
Xe máy	Nghìn chiếc	186,1	2.135,0	72,6	97,3
Điện sản xuất	Tỷ kwh	18,2	183,8	87,9	104,0
Nước máy thương phẩm	Triệu	277,8	2.433,4	103,9	103,6

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
	m3				
<b>4. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, VÀNG VÀ TỶ GIÁ NGOẠI TỆ</b>					
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	%			102,51	101,82
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	%			100,99	100,90
Trong đó: Lương thực	%			104,92	105,32
Thực phẩm	%			99,91	99,71
Ăn uống ngoài gia đình	%			102,03	102,03
Đồ uống và thuốc lá	%			101,90	101,68
May mặc, giày dép và mũ nón	%			100,86	100,85
Nhà ở và vật liệu xây dựng	%			103,46	101,94
Thiết bị và đồ dùng gia đình	%			100,62	100,56
Thuốc và dịch vụ y tế	%			100,17	100,20
<i>Trong đó: dịch vụ y tế</i>				100,02	100,05
Giao thông	%			113,68	108,24
Bưu chính viễn thông	%			99,14	99,26
Giáo dục	%			102,31	103,49
<i>Trong đó: dịch vụ giáo dục</i>				102,36	103,76
Văn hóa, giải trí và du lịch	%			99,09	98,90
Đồ dùng và dịch vụ khác	%			101,30	101,55
<b>Chỉ số giá vàng</b>	%			<b>100,34</b>	<b>111,83</b>
<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	%			<b>99,06</b>	<b>99,12</b>
<b>Lạm phát cơ bản</b>	%				<b>0,88</b>
<b>5. THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>					
<b>Tổng thu cân đối NSNN</b>	Ngìn tỷ đồng	<b>65,2</b>	<b>1.077,43</b>	<b>60,6</b>	<b>109,2</b>

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
<i>Trong đó:</i>					
- Thu nội địa (không kể dầu thô)	Nghìn tỷ đồng	49	872,280	53,9	105,9
- Thu từ dầu thô	Nghìn tỷ đồng	3,4	29,091	159,3	105,2
- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động XNK	Nghìn tỷ đồng	12,625	175,3	86,9	130,3
<b>Tổng chi cân đối NSNN</b>	<b>Nghìn tỷ đồng</b>	<b>116,3</b>	<b>1.030,5</b>	<b>83,0</b>	<b>92,1</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Chi đầu tư phát triển	Nghìn tỷ đồng	35,230	218,551	73,4	77,1
- Chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Nghìn tỷ đồng	72,500	725,26	86,7	97,1
<b>6. ĐẦU TƯ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI</b>					
<b>Vốn đầu tư thực hiện</b>	<b>Triệu USD</b>		<b>13.280</b>		<b>96,58</b>
<b>Cấp mới và tăng vốn</b>	<b>Triệu USD</b>				
Vốn đăng ký cấp mới	Triệu USD		12.499		120,6
<i>Số dự án cấp mới</i>	<i>Dự án</i>		1.212		62,2
Vốn tăng thêm	Triệu USD		6.425		125,6
<i>Số lượt dự án tăng vốn</i>	<i>Lượt dự án</i>		678		
<b>Góp vốn mua cổ phần</b>	<b>Triệu USD</b>		<b>2.830</b>		<b>54,7%</b>
<b>7. XUẤT NHẬP KHẨU</b>					
<b>Tổng trị giá xuất khẩu</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>27.500</b>	<b>241.024</b>	<b>101,2</b>	<b>119,0</b>
Khu vực kinh tế trong nước	Triệu USD	7.204	63.058	97,2	109,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô)	Triệu USD	20.296	176.845	102,7	123,3
<b>Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:</b>					
Thủy sản	Triệu USD	600	6.169	73,2	102,4
Rau quả	Triệu USD	250	2.770	105,2	111,1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Hạt điều	Triệu USD	340	2.653	110,7	114,8
Cà phê	Triệu USD	245	2.252	130,1	104,4
Chè	Triệu USD	22	155	97,0	98,3
Hạt tiêu	Triệu USD	61	719	132,8	146,9
Gạo	Triệu USD	261	2.389	133,4	97,6
Sắn và sản phẩm của sắn	Triệu USD	88	856	120,6	126,4
Clanhke và xi măng	Triệu USD	151	1.253	95,5	120,9
Dầu thô	Triệu USD	96	1.121	70,9	85,6
Xăng dầu	Triệu USD	172	1.039	291,5	139,6
Hóa chất	Triệu USD	210	1.663	158,8	132,5
Sản phẩm hóa chất	Triệu USD	160	1.390	124,7	133,2
Chất dẻo nguyên liệu	Triệu USD	189	1.614	133,2	167,2
Sản phẩm từ chất dẻo	Triệu USD	390	3.572	120,0	137,4
Cao su	Triệu USD	321	2.173	121,2	152,7
Túi xách, ví, va li, mũ, ô dù	Triệu USD	120	2.237	52,0	96,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	Triệu USD	750	11.139	64,7	130,9
Giấy và các sản phẩm từ giấy	Triệu USD	140	1.215	113,9	115,3
Xơ, sợi dệt các loại	Triệu USD	464	4.108	136,7	160,2
Dệt, may	Triệu USD	2450	23.560	84,9	106,2
Giày dép	Triệu USD	750	13.379	59,8	110,2
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	Triệu USD	150	1.458	107,8	122,2
Sắt thép	Triệu USD	1174	8.234	216,3	225,4
Sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	350	2.917	137,4	131,1
Kim loại thường khác và SP	Triệu USD	340	2.733	128,3	143,1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Điện tử, máy tính và LK	Triệu USD	4600	36.400	103,0	113,1
Điện thoại và LK	Triệu USD	6000	41.326	115,2	112,4
Máy ảnh, máy quay phim và LK	Triệu USD	650	3.310	138,3	163,4
Máy móc thiết bị, DC PT khác	Triệu USD	3150	26.303	112,6	144,8
Dây điện và cáp điện	Triệu USD	280	2.188	132,6	131,0
Phương tiện vận tải và phụ tùng	Triệu USD	690	7.858	65,7	123,1
SP nội thất từ chất liệu khác gỗ	Triệu USD	120	2.109	49,4	121,5
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	Triệu USD	230	2.051	73,7	101,5
<b>Tổng trị giá nhập khẩu</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>28.500</b>	<b>244.655</b>	<b>117,8</b>	<b>131,6</b>
Khu vực kinh tế trong nước	Triệu USD	9.500	84.872	117,5	126,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Triệu USD	19.000	159.783	117,9	134,4
<b>Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:</b>					
Thủy sản	Triệu USD	150	1.494	92,5	114,3
Sữa và sản phẩm sữa	Triệu USD	95	921	128,4	110,3
Rau quả	Triệu USD	130	1.076	110,9	114,9
Hạt điều	Triệu USD	324	3.646	204,2	269,6
Ngô	Triệu USD	214	2.124	80,3	124,2
Thức ăn gia súc và NPL	Triệu USD	450	3.776	129,6	130,7
Quặng và khoáng sản khác	Triệu USD	307	3.232	131,4	256,1
Than đá	Triệu USD	345	3.102	133,7	102,3
Dầu thô	Triệu USD	337	3.577	125,9	122,6
Xăng dầu	Triệu USD	204	2.887	124,5	113,8
Hóa chất	Triệu USD	650	5.665	157,7	158,7
Sản phẩm hoá chất	Triệu USD	800	5.836	152,0	143,3

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Tân dược	Triệu USD	500	2.523	187,5	105,7
Phân bón	Triệu USD	113	1.022	163,5	142,9
Chất dẻo	Triệu USD	991	9.037	135,6	150,8
Sản phẩm chất dẻo	Triệu USD	750	6.051	106,6	116,2
Cao su	Triệu USD	268	2.067	195,6	231,2
Gỗ và sản phẩm gỗ	Triệu USD	240	2.304	108,6	131,4
Giấy các loại	Triệu USD	173	1.646	126,7	136,7
Bông	Triệu USD	343	2.470	217,4	139,4
Sợi dệt	Triệu USD	195	1.929	116,5	134,2
Vải	Triệu USD	1.050	10.575	106,9	125,5
Nguyên PL dệt, may, giày dép	Triệu USD	500	4.812	107,3	126,1
Thủy tinh và các SP từ thủy tinh	Triệu USD	135	1.156	105,9	116,8
Phế liệu sắt thép	Triệu USD	191	2.137	147,2	196,0
Sắt thép	Triệu USD	1.097	8.823	174,0	145,7
Sản phẩm từ sắt thép	Triệu USD	530	3.980	114,4	125,5
Kim loại thường khác	Triệu USD	841	6.683	161,7	155,3
SP từ kim loại thường khác	Triệu USD	180	1.292	141,0	127,7
Điện tử, máy tính và LK	Triệu USD	6.850	53.689	108,3	119,1
Hàng điện gia dụng và LK	Triệu USD	110	1.676	86,0	108,9
Điện thoại và LK	Triệu USD	1.900	14.488	101,6	136,2
Máy ảnh, máy quay phim và LK	Triệu USD	200	1.575	79,5	89,6
Máy móc thiết bị, DC PT khác	Triệu USD	3.900	35.064	113,9	132,7
Dây điện và cáp điện	Triệu USD	250	1.832	124,0	130,8
Ô tô	Triệu USD	485	6.213	75,4	150,1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 9 năm 2021	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021	Tháng 9 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)
Trong đó: Nguyên chiếc	Triệu USD	160	2.512	62,3	169,0
<b>Chênh lệch xuất nhập khẩu (xuất-nhập)</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>-1.000</b>	<b>-3.631</b>		
<b>8. TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>	<b>Nghìn tỷ đồng</b>	<b>308,802</b>	<b>3.367,669</b>	<b>71,6</b>	<b>92,9</b>
<i>Phân theo ngành hoạt động</i>					
Bán lẻ hàng hóa	Nghìn tỷ đồng	270,797	2.779,667	79,0	96,6
Dịch vụ lưu trú ăn uống	Nghìn tỷ đồng	19,425	279,400	46,4	77,9
Du lịch lữ hành	Nghìn tỷ đồng	76	4,630	7,6	36,0
Dịch vụ khác	Nghìn tỷ đồng	18,504	303,972	40,4	80,6
<b>9. VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA</b>					
<b>Vận tải hành khách</b>					
Khối lượng vận chuyển	Triệu HK	80,881	2.018,835	29,3	76,2
Khối lượng luân chuyển	Tỷ HK.km	2,401	82,675	20,8	69,1
<b>Vận tải hàng hóa</b>					
Khối lượng vận chuyển	Triệu tấn	114,478	1.194,969	72,4	94,4
Khối lượng luân chuyển	Tỷ tấn.km	24,337	242,817	84,1	99,7

**PHỤ LỤC SỐ 2**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2021 CỦA CHÍNH PHỦ 9 THÁNG NĂM 2021**

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
<b>I</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về công tác xây dựng, thi hành hệ thống pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng thuận lợi tạo điều kiện phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế</b>						
1	Nghị định ban hành quy chế làm việc của Chính phủ (sửa đổi)	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		VPCP
2	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ, cơ quan ngang Bộ	Lần 1: Trước 31/5/2021; Lần 2: Trước 30/9/2021			Đang triển khai thực hiện		VPCP
3	Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (thay thế Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP)	Tháng 6	(Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021)		Bộ Tư pháp đang chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định để chuẩn bị tiến hành thủ tục thẩm định theo quy định	Trước ngày 15/10/2021	Bộ Tư pháp
4	Nghị định về đăng ký biện pháp bảo đảm	Tháng 11			Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định	Tháng 11	Bộ Tư pháp
5	Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt	Tháng 3		Đã hoàn thành			NHNNVN
6	Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân, hàng	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		NHNNVN
7	Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		NHNNVN
8	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	tư của Nhà nước						
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Tháng 6	Tháng 10		Bộ đang gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định	Tháng 10	Bộ Tài chính
10	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng nhà, đất phục vụ hoạt động đối ngoại của nhà nước	Tháng 6			Bộ đã có văn bản số 8462/BTC-QLCS ngày 29/7/2021 lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định.	Quý IV	Bộ Tài chính
11	Nghị định quy định về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
12	Nghị định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển nhượng vốn nhà nước	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan	Tháng 9			Bộ Tài chính đang gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định.		Bộ Tài chính
14	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí	Tháng 7		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
15	Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hàng hóa, người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia	Tháng 12			Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng dự thảo Nghị định, tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành.	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính
16	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/1/2017 của Chính phủ về kinh doanh casino	Tháng 12			Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành để báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo trước khi báo cáo Bộ Chính trị.	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính
17	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/1/2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế	Tháng 12			Bộ Tài chính đang gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
18	Nghị định thay thế Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài	Tháng 12		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
19	Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
20	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam	Tháng 1		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
21	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp	Tháng 12		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
99	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 7		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
23	Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022	Tháng 7		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
24	Kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 10		Đã hoàn thành			
25	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn mới (thay thế Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 trong giai đoạn 2017-2020)	Tháng 7	Tháng 12		Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 5710/VPCP-KTTH ngày 18/8/2021 đồng ý với đề xuất về việc lùi thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12/2021.	Tháng 12	Bộ Tài chính
26	Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nợ công	Tháng 12			Đang hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính
27	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục tài sản cụ thể phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện	Tháng 12			Bộ Tài chính đang triển khai xây dựng dự thảo Nghị định, tổ chức lấy ý kiến theo chế độ quy định.	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính
28	Đề án sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025	Quý IV			Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính đang hoàn thiện dự thảo Đề án để trình Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 12/11/2021 theo yêu cầu tại	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
					văn bản số 1257-CV/VPTW ngày 12/7/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng.		
29	Đề án định hướng cải thiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia thời kỳ 2021 - 2025	Tháng 11			Đang hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ	Đúng kế hoạch	Bộ Tài chính
30	Nghị định quy định về việc cho phép tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp, tổ chức các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	Tháng 1		Đã hoàn thành			Bộ Tài chính
31	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Phụ lục - Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (theo quy trình rút gọn)	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
32	Đánh giá định lượng về tác động của EVFTA sau đại dịch Covid đối với các mặt kinh tế - xã hội cũng như các ngành cụ thể, kiến nghị các biện pháp ứng phó phù hợp	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
33	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 8			Đang tổng hợp các ý kiến của các Bộ, ngành		Bộ KHĐT
34	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Quý III		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
35	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế	Quý III		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
36	Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ Công thương
37	Nghị định "Sản xuất tại Việt Nam"	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ Công thương
38	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ Công thương
39	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	Quý III		Đã hoàn thành	Dự thảo trình xin ý kiến Bộ Chính trị (tại các Tờ trình số: 10-TTr/BCSD ngày 23/9/2019 và 12-TTr/BCSD ngày 24/7/2020).		Bộ Công thương

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
40	Nghị định của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ Công thương
41	Nghị định sửa đổi Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản	Tháng 9		Đã hoàn thành			Bộ Xây dựng
42	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ Xây dựng
43	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in	Quý IV		Đã hoàn thành	Ngày 02/7/2021, Bộ TTTT có văn bản số 2357/BTTTT-XBIPH đăng tải dự thảo Nghị định sửa đổi lên Cổng TTĐT Chính phủ và lấy ý kiến góp ý của nhân dân. Hiện nay, Bộ TTTT đang giải trình, tiếp thu các ý kiến đối với dự thảo Nghị định.		Bộ TTTT
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
45	Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
46	Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ Y tế
47	Hồ sơ Dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)	Tháng 10			Đang triển khai thực hiện		Bộ Y tế
48	Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ KHCN

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
49	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật đo đạc và bản đồ	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
50	Hồ sơ Dự án Luật thi đua khen thưởng (sửa đổi)	Tháng 4		Đã hoàn thành			Bộ NV
51	Nghị định của Chính phủ về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và cơ chế hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
52	Đề án Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành nội vụ giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
53	Dự án xây dựng Luật Thanh tra (sửa đổi)	Tháng 5			Xin lùi tiến độ trình dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) tại Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 10/6/2021 của Văn phòng Chính phủ.	Tháng 12/2021	Thanh tra Chính phủ
54	Nghị định sửa đổi Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng	Tháng 8		Đã hoàn thành			Thanh tra Chính phủ
<b>II</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế</b>						
56	Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025	Tháng 9		Đã hoàn thành			NHNNVN
57	Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 4		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
58	Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
59	Xây dựng Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam	Tháng 9			Xin lùi thời gian trình sang tháng 10		Bộ KHĐT
60	Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	5 năm 2021 - 2025						
61	Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021 - 2025	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
62	Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9			Xin lùi thời gian trình sang tháng 10		Bộ KHĐT
63	Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
65	Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Quý II		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
66	Đề án phát triển ngành chế biến thủy hải sản	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
67	Đề án Phát triển Nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
68	Đề án phát triển đồng quản lý trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Quý IV			Đã thành lập Tổ biên tập; nghiên cứu làm rõ định hướng, phạm vi, nội dung của Đề án; đang xây dựng dự thảo ĐA		Bộ NNPTNT
69	Đề án "Phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2031 định hướng đến năm 2045"	Quý IV			Đã thành lập Tổ biên tập; nghiên cứu làm rõ định hướng, nội dung; xây dựng dự thảo Đề án		Bộ NNPTNT
70	Đề án Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường nông sản	Quý III			Đã xây dựng đề cương Đề án; nghiên cứu làm rõ định hướng, nội dung của Đề án; xây dựng dự thảo Đề án		Bộ NNPTNT
71	Đề án chuẩn hóa chất lượng, an toàn thực phẩm và gia tăng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Bộ thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (Quyết định số 444/QĐ-BNNQLCL ngày 21/01/2021). Đã xây dựng dự thảo Đề án. Thông qua BCS đảng Bộ tháng 7/2021		Bộ NNPTNT
72	Đề án Hợp tác xã nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long	Quý IV			Đã thành lập Tổ biên tập; nghiên cứu làm rõ định hướng, phạm vi,		Bộ NNPTNT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
					nội dung; xây dựng dự thảo Đề án		
73	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Quý IV		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
74	Nghị quyết của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Quý IV			Đã xây dựng Đề cương, dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị trong Bộ và chuyên gia		Bộ NNPTNT
75	Đề án phát triển ngành chế biến rau, củ, quả giai đoạn 2021 - 2030	Quý II		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
76	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025	Quý II		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
77	Chương trình triển khai chủ trương trồng 1 tỷ cây xanh trong 5 năm tới	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT
78	Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CT
79	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CT
80	Chiến lược phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CT
81	Chương trình phát triển công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
82	Đề án, phát triển kinh tế số Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
<b>III</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về huy động và sử dụng các nguồn lực, xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội trọng điểm, tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng, kinh tế biên, phát triển đô thị và nông thôn</b>						
83	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
84	Đề án về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất	Tháng 9			Đã trình Lãnh đạo Bộ		Bộ KHĐT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	nước theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW						
85	Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
86	Đề án của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
87	Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
88	Báo cáo nghiên cứu, xây dựng các quy định khắc phục tình trạng "vốn mông", đầu tư "chui", đầu tư "núp bóng"	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT
89	Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đã dự thảo Đề án; đang lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương để hoàn thiện dự thảo Đề án		Bộ NNPTNT
90	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đã trình Thủ tướng Chính phủ; đã giải trình trước Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; sau đó hoàn thiện Chính phủ trình Quốc hội (kỳ họp thứ I Quốc hội khóa XV) phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình		Bộ NNPTNT
91	Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Ngay sau khi có Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư của Quốc hội, TTgCP Quyết định đầu tư Chương trình, Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, các cơ chế chính sách có liên quan và ban hành văn bản hướng dẫn, để có thể triển khai ngay		Bộ NNPTNT
92	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
93	Đề án về tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT
94	Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT
95	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT
96	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2021			Hoàn thành điều tra thu thập tài liệu, khảo sát bổ sung và đã xây dựng các định hướng chính của quy hoạch. Đã xây dựng các báo cáo chuyên đề. Dự kiến trình TTgCP trước 31/12/2021		Bộ NNPTNT
97	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến năm 2045	Tháng 1		Đã hoàn thành			Bộ CT
98	Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý I			Tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã gia hạn thời hạn trình Quy hoạch là 2021-2022 để phù hợp với các nội dung của Quy hoạch điện VIII.	Gia hạn 2021-2022	Bộ CT
99	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CT
100	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Tháng 10			Đang triển khai thực hiện		Bộ XD
101	Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ XD
102	Quyết định phê duyệt Định hướng Kiến trúc Việt Nam	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ XD

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
103	Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
104	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
105	Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét thông qua chủ trương đầu tư các đoạn còn lại trên tuyến Bắc - Nam	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		Bộ GTVT
106	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 11			Đang triển khai thực hiện		Bộ Y tế
107	Nghị định của Chính phủ quy định về vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, thuê tài sản, thuê đơn vị cung ứng dịch vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ Y tế
108	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ GDĐT
109	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV			Đang triển khai theo đúng tiến độ và hoàn thành đúng thời hạn		Bộ KHCN
110	Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Quý IV			Đang triển khai theo đúng tiến độ và hoàn thành đúng thời hạn		Bộ KHCN
111	Quy hoạch mạng lưới trạm Khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
112	Quy hoạch Tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12			Đang hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định		Bộ TNMT
113	Quy hoạch, mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nội vụ	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ Nội vụ
114	Đề án Định hướng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ GTVT
<b>IV</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ</b>						
115	Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ KHĐT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
116	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Quý IV	NQ 50/NQ-CP ngày 20/5/2021	Đã hoàn thành	Tại Nghị Quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, Chính phủ giao Đề án này cho Bộ LĐTB và Xã hội chủ trì. Do vậy, Bộ sẽ hoàn thiện nội dung đào tạo nghề NN cho LĐNT trong 3 CT MTQG giai đoạn 2021 - 2025 gửi Bộ LĐTBXH tổng hợp		Bộ NNPTNT
117	Đề án nâng cao nhận thức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
118	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030	Quý IV			Đang triển khai theo đúng tiến độ và hoàn thành đúng thời hạn		Bộ KH-CN
119	Đề án "Kế hoạch phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030"	Quý IV			Đang triển khai theo đúng tiến độ và hoàn thành đúng thời hạn		Bộ KH-CN
<b>V</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội</b>						
120	Nghị quyết của Quốc hội về giảm nghèo bao trùm đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
121	Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021- 2025	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
122	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí huyện nghèo và tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
123	Đề án liên kết cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để đào tạo, chuẩn bị nguồn lao động	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
124	Đề án đưa lao động kỹ thuật, lao động qua đào tạo nghề đi làm việc theo hợp đồng ở các thị trường nước ngoài có thu nhập cao	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
125	Đề án chuyển đổi số và dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
126	Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH
127	Đề án thí điểm đào tạo nâng cao kỹ năng nghề của người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Tháng 12		Đã hoàn thành			Bộ LĐTBXH

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
128	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Năm 2021		Đã hoàn thành			Bộ LĐTBXH
129	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nghiên cứu phát triển vắc xin phòng COVID-19	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ YT
130	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về định dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Bộ YT
131	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ chính sách cho cán bộ y tế cơ sở, y tế dự phòng	Tháng 9		Đã hoàn thành			Bộ YT
132	Đề án đào tạo nhân lực y tế vùng khó khăn giai đoạn 2021 - 2030	Quý I		Đã hoàn thành			Bộ YT
133	Đề án phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 11			Dự thảo Tờ trình và Quyết định trình Thủ tướng để xin ý kiến các bên liên quan theo quy định trong tháng 9/2021 và triển khai các bước tiếp theo trình Thủ tướng Chính phủ đúng kế hoạch		Bộ GDĐT
134	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 7			Đang thực hiện thủ tục nội bộ để hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Đề án trong tháng 9/2021		Bộ GDĐT
135	Đề án nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông	Tháng 12		Đã hoàn thành			Bộ GDĐT
136	Đề án Xây dựng "Xã hội học tập" giai đoạn 2021 - 2030	Quý II		Đã hoàn thành			Bộ GDĐT
137	Báo cáo việc tiếp tục triển khai Quyết định số 174/QĐ-TTg, ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo giai đoạn 2017 - 2020	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ NV
138	Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ NV
139	Báo cáo kết quả sơ kết 3 năm triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật	Tháng 8		Đã hoàn thành			Bộ NV

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	tín ngưỡng, tôn giáo và kiến nghị, đề xuất						
140	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 3		Đã hoàn thành			Ủy ban Dân tộc
141	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 12			Đang triển khai thực hiện		Ủy ban Dân tộc
142	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Tháng 6		Đã hoàn thành			Ủy ban Dân tộc
143	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Tháng 6		Đã hoàn thành			Ủy ban Dân tộc
144	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 6		Đã hoàn thành			Ủy ban Dân tộc
<b>VI</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai</b>						
145	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 1	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ KHĐT
146	Đề án thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Quý IV		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
147	Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Quý IV		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
148	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT
149	Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NNPTNT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
150	Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045	Quý II/2021		Đã hoàn thành			Bộ NNPTNT
151	Chiến lược quốc gia cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045	Quý II/2021			Đã xây dựng dự thảo, xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; (VB 549/BNN-TCTL ngày 25/1/2021). Đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Chiến lược để trình TTg tháng 9/2021		Bộ NNPTNT
152	Chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia	Quý II/2021		Xin chậm	Đã thành lập Tổ biên tập, Tổ soạn thảo; xây dựng Đề cương chi tiết Chương trình tổng thể. Bộ đã xin lùi hạn trình sang Quý IV/2021 (văn bản số 3640/BNN-PCTT ngày 15/6/2021)	Quý IV/2021	Bộ NNPTNT
153	Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2021 - 2025	2021			Đã hoàn thành dự thảo lần 3 và xin ý kiến của các Bộ, ngành và các địa phương. Đã tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, ngành; đang hoàn thiện dự thảo Kế hoạch để trình TTgCP phê duyệt		Bộ NNPTNT
154	Kế hoạch hành động quốc gia về Bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
155	Chiến lược quốc gia về Đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2040	Tháng 10			Đang xây dựng Dự thảo khung chiến lược đến năm 2030 tầm nhìn 2050		Bộ TNMT
156	Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2040	Tháng 10			Đang tổng hợp và hoàn thiện theo ý kiến của các Bộ ngành, địa phương		Bộ TNMT
157	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 11			Đã hoàn thành Báo cáo đánh giá tổng kết chiến lược giai đoạn trước. Đang xây dựng dự thảo.		Bộ TNMT
158	Đề án Việt Nam chủ động tham gia đàm phán và xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương	Tháng 6		Đã hoàn thành			Bộ TNMT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
159	Quyết định thay thế Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
160	Quyết định thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai	Tháng 3		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
161	Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025	Tháng 10		Đã hoàn thành			Bộ TNMT
162	Đề án Điều tra, đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000 lãnh thổ Việt Nam	Tháng 11			Đã hoàn thành Đề cương, dự toán chi tiết đề án tại 11 lưu vực sông, đang tiếp tục khẩn trương hoàn thiện Đề án tổng thể		Bộ TNMT
163	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu.	Tháng 10			Đang xây dựng dự thảo		Bộ TNMT
164	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.	Tháng 11			Đang tiếp thu, hoàn thiện Đề án theo ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan		Bộ TNMT
165	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Hỗ trợ thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam	Tháng 12			Đang xây dựng dự thảo		Bộ TNMT
<b>VII</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo</b>						
166	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến ưu tiên tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tháng 3		Đã hoàn thành			VPCP
167	Quyết định sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ TP
168	Quyết định ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 9		Đã hoàn thành			Bộ TC
169	Nghị định thay thế Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	Tháng 9			Đã trình Lãnh đạo Bộ		Bộ KHĐT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
170	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Quý IV			Dự thảo Nghị định đang xin ý kiến rộng rãi trên Cổng TTĐT Chính phủ.		Bộ TTTT
171	Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ TTTT
172	Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Quý IV					Bộ TTTT
173	Báo cáo Tổng kết thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Năm 2021		Đã hoàn thành			Bộ NV
174	Chương trình tổng thể Cải cách hành chính	Năm 2021		Đã hoàn thành			Bộ NV
175	Nghị định thay thế Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012 của Chính phủ về tổ chức các hoạt động thanh tra ngành Nội vụ	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ NV
176	Đề án Đào tạo đội ngũ cán bộ cấp xã tại chỗ, kết hợp tăng cường tri thức trẻ trong phát triển bền vững khu vực biên giới	Tháng 11			Đang xây dựng		Bộ NV
177	Đề án Cơ sở dữ liệu của ngành nội vụ	Tháng 11			Đang xây dựng		Bộ NV
178	Đề án Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia giai đoạn II (2021 - 2030)	Tháng 10			Đang xây dựng		Bộ NV
179	Đề án Công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước	Tháng 11			Đang xây dựng		Bộ NV
180	Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung thống nhất tài liệu lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước	Tháng 5		Đã hoàn thành			Bộ NV
181	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn	Tháng 9		Đã hoàn thành			Thanh tra Chính phủ
182	Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước	Tháng 12		Đã hoàn thành			Thanh tra Chính phủ



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Tình hình thực hiện 9 tháng năm 2021			Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành		
					Tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành	Thời gian dự kiến hoàn thành	
	Liên hợp quốc về chống tham nhũng						
<b>VIII</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế</b>						
183	Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021			Đang triển khai thực hiện		Bộ CA
184	Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CA
185	Đề án xây dựng nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng Việt Nam	Quý IV			Đang triển khai thực hiện		Bộ CA
<b>IX</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo niềm tin, đồng thuận xã hội</b>						
186	Đề án tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đặc thù cho người khuyết tật	Tháng 9			Hiện nay, Đề án chưa được đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021		Bộ TP
187	Đề án tổ chức thông tin, phổ biến về chính sách quan trọng trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo đồng thuận xã hội	Tháng 12			Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Đề án		Bộ TP
188	Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030	Tháng 9			Đang triển khai thực hiện		Bộ LĐTBXH